

THIÊN VIỆN TRÚC LÂM BẠCH MÃ
Thích Tâm Hạnh

Thích Tâm Hạnh



Để Được Tiến Đạo

Để Được Tiến Đạo



NHÀ XUẤT BẢN...

THAY LỜI TỰA

Chữ đạo, có một nghĩa là con đường tu tập. Tột cùng con đường này là thể của đại đạo rất ráo viên mãn. Thân thang, trùm khắp, không nơi nào thiếu vắng; rạng ngời, biết suốt, tự tại, tiêu sái sẵn vậy nơi mỗi người. Bạc lạnh lợi thì ngay đây nhận thẳng. Còn lại, phần nhiều phải có quá trình tu tập. Trải qua thời gian quyết chí hạ thủ công phu, được thuần thực, đặc lực, thời tiết nhân duyên chín muồi, thể đạo tự bùng sáng.

“Để được tiên đạo”, tập sách nhỏ này là một vài gợi ý cho những ai hữu duyên đang trên lộ trình hướng tiến Phật đạo. Có thể chưa đầy đủ, nhưng nếu khéo dụng công thì có khi không cần dông dài. Hy vọng những điều ít ỏi này có thể góp thêm phần nào tư lương cho lũ khách tha hương đang quay gót trở về quê nhà muôn thuở.

Ngày xuân năm Quý Mão – PL. 2567 – DL.2023.

Kính ghi

Thích Tâm Hạnh.

NĂM PHÁP TIẾN ĐẠO

Thế đạo vốn sẵn đó nơi mỗi chúng ta. Nói tiến đạo, tức là tỏ ngộ thế đạo ấy, là bản tâm chân thật chính mình. Đã sẵn đủ nơi mỗi người rồi thì lẽ ra ngay đây nhận thẳng; chỉ cần ngộ thẳng tâm này, liền là tiến đạo. Nhưng do nghiệp thức mênh mang, vọng tập áp đầy vì thế bị chướng ngại, che đậy; khiến cho con đường tiến đạo của chúng ta còn tùy thuộc vào một số yếu tố khác nữa, chưa thể thẳng tiến. Năm pháp dưới đây là năm nhân duyên trong những yếu tố nhân duyên như thế, giúp cho chúng ta tu hành suôn sẻ, tiến đạo.

1. TỨC DUYÊN. Nhân duyên tu hành nhiều đời trước.

Đức Phật dạy: “Nghiệp là thai tạng, chúng sanh thừa tự nghiệp”. Không kể đến các bậc Thánh nhân đắc đạo vì nguyện lực vào đời. Còn lại, tất cả chúng ta được sanh ra nơi đời là sự kế thừa và kết tinh của những hành động, việc làm quá khứ, gọi chung là nghiệp. Do vậy, những suy nghĩ, hành động, việc làm và kết quả của hiện tại, ngoài những nỗ lực của bản thân, nó còn có sự chi phối, tác động bởi những tác tạo của mỗi người từ những kiếp về trước. Việc tu hành, mà cụ thể là việc đưa đến kết quả trong hạ thủ công phu tu tập cũng có một phần ảnh hưởng không nhỏ do nhiều đời trước như thế, gọi là tức duyên.

1.1. Túc duyên sâu dày, đời này mới tu mà mau ngộ.

Xã hội Ấn Độ thời xưa phân chia ra thành bốn giai cấp sang hèn rõ rệt và sự phân biệt đối xử nặng hơn bây giờ. Ni-đề khi ấy là một người thuộc giai cấp hạ tiện làm nghề đồ phân thuê. Sau khi được đức Phật độ cho xuất gia, không bao lâu, Tỳ-kheo Ni-đề chứng thánh quả. Việc cho một người thuộc giai cấp hạ tiện xuất gia đã khiến cả thành Xá-vệ xôn xao. Vua Ba-tư-nặc xa giá đến can thiệp. Cho đến khi biết vị tân Tỳ-kheo Ni-đề đã chứng Thánh quả, vua bất ngờ, mới thưa hỏi Phật nhân duyên vì sao vị này sanh nơi hạ tiện, nhưng lại tu hành mau chứng thánh quả?

Đức Phật kể lại, vào thời Phật Ca-diếp, sau khi ngài nhập Niết-bàn, Ni-đề lúc này là chủ Tùg Lâm với hơn mười vạn Tăng Ni. Có lần vị chủ Tùg Lâm phải uống thuốc xổ. Cây thế mình làm một vị chủ, không chịu đi ra nhà cầu mà mua một cái bình bằng bạc mạ vàng, đi đại tiểu tiện vào trong đó, rồi bắt một người đệ tử đem ra ngoài đổ. Song người đệ tử ấy đã đắc quả Tu Đà Hoàn.

Không có tâm khiêm nhường, không phân biệt được người hay kẻ dở, cậy mình có thế lực, giữ việc Tăng chúng, gặp chút bệnh nhẹ lười biếng không chịu đi, sai vị Thánh nhân đồ phân cho mình. Vì nhân duyên ấy mà bị lưu lãng trong vòng sinh tử, thường phải làm kẻ hạ tiện trong năm trăm đời, đi đồ phân thuê cho đến ngày nay. Cũng do công đức xuất gia trì

giới cho nên hôm nay mới được gặp Phật Thích Ca Mâu Ni độ cho xuất gia. Vì kiếp trước có tu hành cho nên hôm nay mau chứng đạo.

Kiếp trước có mắc tội thì phải đọa lạc, nhưng nhân duyên tu hành vẫn không bị mất. Khi trả hết nghiệp, công đức tu hành phát huy, vì vậy mau chứng đạo. Cho thấy, việc được tiến đạo nhanh hay chậm, một phần lớn còn tùy thuộc vào nhân duyên tu hành của nhiều đời về trước (túc duyên).

Xưa kia Lư Hành Giả (là Lục Tổ Huệ Năng lúc còn cư sĩ tại gia) gánh củi ngang qua nhà dân, vừa nghe tụng Kinh Kim Cang liền có tỉnh. Về nhà sắp xếp mẹ già xong xuôi, Ngài thẳng đến Hoàng Mai gặp Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn xin xuất gia. Chưa bao lâu, được Ngũ Tổ trao truyền y bát kế thế tổ vị. Ngược lại, Đại sư Thần Tú là bậc giáo thọ thượng thủ lâu năm trong chúng, nhưng chưa có chỗ ngộ nhập, không được truyền pháp. Đây là do túc duyên nhiều đời về trước có tu, đã có chỗ ngộ nhập cho nên đời này Lư Hành Giả chưa tu hành bao lâu mà đã chứng ngộ.

Thực tế hiện nay, trong đại chúng có nhiều vị xuất gia tu tập đã lâu, đời sống mẫu mực, sớm hôm tinh cần tu tập, đạo hạnh sáng ngời, nhưng đối với đại pháp vẫn chưa sáng, chưa thể tỏ ngộ bản tâm. Ngược lại, có nhiều vị mới vào thiền viện chưa bao lâu, tu tập chưa nhiều, nhưng lại tỏ ngộ tâm tánh nhanh đến không ngờ.

1.2. Điều do chính mình.

Ngoài việc nỗ lực tinh cần siêng năng tu tập, việc tiến đạo nhanh hay chậm còn tùy thuộc vào túc duyên tu hành của mỗi người từ nhiều đời về trước. Đây là việc của mỗi người chứ không ai thay mình làm giúp được. Khi còn ở đời, ngài A-nan là người thân của dòng họ Thích. Đến lúc xuất gia, ngài là thị giả sát một bên Phật. Nhưng đức Phật cũng không thể giác ngộ giúp cho ngài A-nan được. Đây là một sự thật. Nếu muốn thấu tận nguồn tâm, ngộ suốt bản tánh, chỉ tự nơi mỗi người. Phật Tổ và Thiện Tri Thức chỉ là người chỉ đường, kích phát và trợ duyên thôi. Biết như vậy rồi, nếu mình tiến đạo nhanh hơn huynh đệ khác thì cũng không có gì lấy làm tự hào. Bởi cũng do chính công phu tu tập của mình từ nhiều đời về trước cho nên hiện nay mới đạt được vậy thôi. Nếu ai quyết chí tu hành cũng sẽ đạt được như thế, cũng là chuyện rất đổi bình thường, không có gì để lấy làm đặc chí, để phải bị chướng đạo.

Ngược lại, khi thấy huynh đệ mới vào tu nhưng mau ngộ hơn mình thì chúng ta nên mừng cho huynh ấy. Bởi việc ấy đã có nguyên tắc, tùy thuộc vào công phu tu tập quá khứ của từng người. Không ai có thể ban cho ai được; và cũng không bất kỳ một ai có thể cản trở được việc tiến đạo trong tâm của mỗi người. Muốn mau tiến bộ thì chúng ta phải nhìn nhận thực tế và nỗ lực tu hành. Nếu có sanh tâm khác đi cũng không thể thay đổi gì được, có khi còn tội tệ.

Hơn nữa, đời trước đã tu hay hiện nay mới tu hành, đều do chính mỗi chúng ta dụng công tu tập chứ

không ai làm giúp được cả. Nếu kiếp trước chưa tu thì bây giờ bắt đầu tu tập. Không phải thấy mình tu hành vất vả hơn huynh đệ mà không tiến bộ rồi nản chí. Không nên đổ lỗi cho quá khứ rồi thối tâm.

2. CHUYỂN HÓA NGHIỆP BÁO XẤU ÁC.

Đại sư Trí Khải ở núi Thiên Thai kể lại câu chuyện để nhắc nhở vị Tri sự.

Trước kia có một ngôi chùa thầy trò khoảng vài trăm, ngày đêm tọa thiền, tụng kinh, không bỏ trống thời giờ. Có một cư sĩ làm việc công quả trong chùa, đang ngồi chum lửa trước lò, trộm nghe thuyết pháp. Vị này để tâm chăm chú, bất ngờ ngồi bệt trước bếp lạng lẽ nhập định. Lửa tắt, nước lạnh. Thầy Duy-na sợ chậm trễ bữa ăn của đại chúng, lên bạch với Thượng tọa. Thượng tọa bảo đây là việc thù thắng, chúng hãy nên chịu đựng, dè dặt chớ làm kinh động. Qua mấy ngày sau vị ấy mới xuất định, đến trước Thượng tọa trình bày đầy đủ những điều đã chứng rất sâu xa. Nhân đó Thượng tọa hỏi thêm về nhân duyên kiếp trước, do tội gì mà làm thân hạ tiện? Do phước gì mà được tỏ ngộ dễ dàng đến vậy? Vị này đáp: *“Tiên thân này đời trước là Thầy của đồ chúng lớn tuổi hiện tại. Những điều đồ chúng đang học hiện nay đều là những điều ngày xưa tôi dạy. Lúc bấy giờ, phần nhiều có những khách riêng, tôi luôn tự ngăn giữ mình, không dám xâm phạm của chúng. Một hôm bất ngờ có vị khách đến. Trong lúc gấp, bèn tự lấy một ít rau của chúng mà quên bù lại cho đầy đủ. Do đó bị quả báo,*

nay làm kẻ giúp việc trong chúng. Trước đã huân tập tu rồi cho nên nay ít tu mà dễ ngộ. Tội phước rõ ràng. Việc ấy như vậy”. Toàn chúng nghe xong, ngậm ngùi khôn xiết.

Qua câu chuyện trên cho chúng ta thấy có ba sự chi phối của quá khứ đến cuộc sống hiện tại rõ rệt. Một là đời trước vị này đã là một bậc Thầy trong chùa, nhưng lỡ tạo **nghiệp xấu** (lấy rau của chúng mà quên bù lại) cho nên đời này phải làm người giúp việc, chưa đủ duyên xuất gia. Hai là kiếp trước có tu cho nên đời này có được túc duyên, **phúc lành**, ít tu mà mau chứng đạo. Ba là đã có **nhân duyên** tu hành do đó đời này sanh ra liền vào chùa làm người giúp việc, tiếp tục tu hành, chứng đạo. Không phải chỉ riêng vị cư sĩ trong câu chuyện trên mà đó là nhân duyên của tất cả mọi người.

Tất cả chúng sanh vào đời, ai cũng mang theo ba gói hành trang như thế. Một là phúc lành cho chúng ta có những may mắn và điều kiện sống. Hai là nghiệp báo xấu ác do đó thi thoảng có những điều bất như ý. Ba là nhân duyên khiến mỗi người có mỗi hướng đi, công việc khác nhau. Chưa phải là thánh nhân thì không ai tránh khỏi các sự tác động chi phối ấy. Người tu hành cũng vậy, chỉ có khác là có trí tuệ nhận ra và biết cách chuyển hóa chúng theo lập trường và hướng đi của mình để tu hành cho tiến bộ. Cụ thể ở đây là chuyển hóa những nghiệp báo chưa được tốt.

Muốn chuyên hóa được nghiệp báo, chúng ta nên lưu ý những điểm cơ bản sau:

2.1. Xem nghiệp chướng là huyễn hóa, không thật.

Gặp một chuyện bất như ý chưa đến nỗi nào, nhưng liền nói đây là báo chướng, thì sự việc trở nên trầm trọng, chúng ta bị chi phối hơn cả những gì nó có. Ngược lại, khi mọi thứ đang diễn ra, chúng ta nên tĩnh tâm thấy rõ nghiệp báo xưa nay vốn không thật. Bởi nó là thứ do chúng ta tạo tác mà thành. Đồng thời, nếu biết chuyên hóa thì nó không thể còn mãi. Bởi nếu chắc thật, còn mãi thì không thể tiêu trừ được nghiệp, không ai tu hành thành đạo được. Nhưng thực tế vẫn có nhiều bậc đắc đạo cho nên nghiệp báo có thể chuyên hóa, tiêu dung. Do đó, nó không bền chắc, không thật. Như người ngủ mê, mơ thấy bị cọp đuổi khiếp sợ vô cùng, nhưng thức dậy thì chỉ còn là ảo ảnh, không còn giá trị khiến chúng ta sợ hãi. Tất cả cảnh trong mộng không có thật, nó chỉ chi phối được người còn ngủ mê và không có giá trị gì với người đã thức dậy. Cũng vậy, thực tế nghiệp chỉ có giá trị chi phối khi chúng ta còn mê và sẽ là lặn trong khi hành giả đã chứng ngộ. Đây là một sự thật, bậc đã đạt ngộ tự mình thấy ra rất rõ.

Trước đây mấy mươi năm, có những chuyện đau buồn khiến chúng ta chỉ muốn chết, muốn lánh xa mọi người, không còn sống nổi... Nhưng bây giờ thì nó chỉ còn là câu chuyện cổ tích, không có giá trị. Tương tự, nhiều chuyện xảy đến hiện tại, thay vì sau này mới

nhận biết thì chúng ta bình tâm tĩnh trí, kịp thời nhận ra sự thật ấy ngay từ bây giờ, sẽ không bị các khổ đau oan uổng. Mới thấy, nghiệp vốn không thật. Thấy rõ như vậy thì mọi chuyện sẽ nhẹ, giảm bớt sự chi phối, chúng ta sẽ có nội lực hơn, mới tiêu dung được chúng.

2.2. Không khởi tâm trả nghiệp.

Không sanh tâm, hãy nên để yên như là ru ngủ để cho nghiệp ngủ yên. Không nên khởi tâm trả nghiệp cho hết để tu hành mau tiến bộ. Bởi như thế sẽ làm cho mọi chuyện trở nên trầm trọng và tồi tệ hơn.

Ví dụ nhiều năm khổ cực, vay nợ hàng xóm quá nhiều không nhớ nổi. Bất ngờ trúng số được 500 triệu, mừng quá và tuyên bố với mọi người tôi sẽ trả hết tất cả. Nợ nần thì cả mười tỷ, mới trúng có 500 triệu mà tuyên bố trả hết. Mọi người đến nhà đòi mà không có đủ để trả cho họ. Người được người không thì chắc chắn sẽ có chuyện không tốt. Đó là do tuyên bố trả nghiệp mà bị nghiệp khảo.

Một cách khác là không cần tuyên bố. Khi trúng số, không trốn nợ cũng không tuyên bố trả nợ; cứ bình thường và đầu tư kinh doanh cho có tiền nhiều thêm. Thỉnh thoảng có người đến đòi vài trăm, số tiền quá nhỏ so với tiền mình đang có, do đó tự động trả một cách dễ dàng, nhẹ nhàng mà không hề thấy nặng nề là đang trả nợ gì cả. Đó là trả mà không trả.

Nợ nần nghiệp chương chồng chất nhiều đời của mỗi người cũng vậy. Khi tuyên bố hay phát nguyện ‘cho tôi trả hết nghiệp để tu’ là đã có tâm sanh, có dấu

vết, có chỗ cho chướng nghiệp thấy và đến đòi tới tập. Quá khứ lỡ làm tạo nên nghiệp chướng vay mượn nhiều đời lớp lớp chất chồng làm sao biết hết. Trong khi đó mới tu chút chút, đạo lực chưa có bao nhiêu, như tiền còn quá ít mà đòi trả nợ thì bị khảo, bị chướng duyên ngập tràn, không thể tiếp tục công phu được nữa.

2.3. Sám hối.

Song song với các việc làm khác, thành tâm sám hối là việc tối cần thiết để tiêu dung nghiệp báo. Sám là ăn năn lỗi trước. Hối là hối cải, chừa, ngăn ngừa lỗi sau. Sám hối phải bằng tâm chí thành, chí thiết chứ không phải làm lấy có. Sám hối chỉ là thành tâm sám hối thôi, không tính đếm thời gian. Xem đây là việc làm thường nhật khiến mình hoan hỷ, không khởi tâm trông mong bao giờ mới hết nghiệp thì sẽ có kết quả bất ngờ. Trong việc này, nếu càng khởi tâm nhiều thì càng bị rắc rối lằng chuyễn. Một mặt trong tâm đã loạn động, mất năng lượng, lòng bất ổn. Mặt khác bên ngoài lại có lằng chuyễn chi phối khiến cho mình rối rắm, mệt mỏi, có khi bất lực.

2.4. Tu tập các thiện pháp.

Cuối cùng là tu tập các pháp lành. Trên đời có ba sức mạnh chi phối đến con người rất lớn. Đó là nghiệp lực, phước lực và trí lực. Tu tập các thiện pháp tạo nên phước lực vô biên, giúp chúng ta hóa giải các nghiệp báo xấu đã lỡ tạo trong quá khứ.

Nghiệp báo xấu ác ví như năm muối. Thiện pháp như nước hòa tan. Nếu ít nước thì muối của nghiệp bị mặn, khiến cho chúng ta đau khổ, là có trả nghiệp thật. Nếu pha năm muối này vào trong nồi canh cho khoảng 200 người ăn thì muối tuy mặn, nhưng chỉ làm cho canh ngon hơn mà thôi. Đây là trả mà không thấy có trả nghiệp.

Quá khứ do mê muội cho nên trót đã lỡ tạo không biết bao nhiêu nghiệp không tốt. Hôm nay tỉnh tâm tu tập, muốn hóa giải nghiệp báo ấy cũng phải biết cách, đúng pháp. Cụ thể, để yên kho muối của nghiệp báo đó, không trốn tránh, cũng đừng đưng đưng đến hoặc thọc khều gì cả. Mặt khác cho nước thật nhiều vào như ao hồ sông suối, tức là siêng năng tu tập thiện pháp. Thi thoảng một vài hạt muối đủ duyên rơi xuống ao hồ ấy thì cũng không thấy có mặn hay khổ đau gì. Cứ như thế để lo việc tu hành, tỉnh giác; mở tâm lớn rộng, tu tập các thiện pháp, chứ đừng đi thọc kho muối thì việc tu tập của chúng ta mới được thuận duyên và tiến bộ. Đó là vừa khéo tu tập, vừa biết cách hóa giải nghiệp báo xấu ác. Chỉ là khéo tu chứ không hề khởi tâm chuyển hóa, tiêu trừ nghiệp báo gì cả, cho nên mới được thành tựu. Cho thấy, tu không phải để tiêu trừ nghiệp chướng phiền não, mà tu là sống thẳng bản tâm giác sáng, tùy duyên thực hành thiện pháp thì mọi thứ tự nó được tiêu trừ.

3. TU TẬP THIỆN PHÁP.

3.1. Phước đức hữu lậu và công đức vô lậu.

Tu tập thiện pháp không phải đơn thuần là tu tạo phước lành, mà việc làm thiện lành này phải bắt đầu từ bản tâm thanh tịnh, đạt đến Ba-la-mật (rốt ráo).

a) Làm phước.

Làm phước thì chỉ đơn thuần là làm các việc tốt cho mình và mọi người, chưa chú trọng đến công phu tu tập miên mật, giữ tâm thanh tịnh và đạt đến Ba-la-mật. Chưa thực sự rộng rãi cả ba: mình thí, của thí và người nhận đều thanh tịnh, vắng bật, không khởi tâm động niệm. Đây mới chỉ là phước đức hữu lậu của trời người.

b) Tu tập thiện pháp.

Cũng làm việc thiện lành, nhưng trong sự tu tập, tỉnh sáng. Sống bằng tự tâm giác sáng mà tùy duyên hoan hỷ trên các nhân duyên cần làm cho đời, cho đạo, cho tất cả chúng sanh. Tuy làm vô vàn công việc hữu ích mà không rời bản tâm giác sáng kia. Không thấy có mình làm, không thấy có việc được làm và không khởi tâm thấy có người thọ nhận những điều lợi lạc do mình làm nên. Đạt đến rốt ráo (Ba-la-mật) như thế thì tâm và cảnh không hai, sự việc và sức giác sáng không phải một, không phải khác. Nhúc nhích động tịnh, chính là tâm này. Vì làm trong sự tu tập như thế cho nên đạt đến công đức vô lậu. Tất cả hồi hướng đến quả vị vô sanh thành Phật sau này, chứ không kẹt trên tướng của phước đức hữu lậu còn trong sanh diệt trời người. Đó là khéo tùy duyên, tùy thời, tùy thuận để tu tập các thiện pháp.

3.2. Tu tập thiện pháp và tự tánh giác sáng.

a) Tâm Bồ-đề và thiện pháp luôn đi đôi trong đời sống tu hành, không thể thiếu khuyết một.

Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: “*Quên mất tâm Bồ-đề mà tu hành các thiện pháp, gọi là hành động của ma.*”. Bồ-đề là giác. Tâm Bồ-đề là bản tâm giác sáng, không động. Rời tâm giác sáng này, ở trong vọng động sanh diệt mà làm các việc lành, vẫn còn là hành động của ma. Ví như chúng ta sốt sắng, rất nhiệt tình để ủng hộ người nghèo. Nhưng hôm nào đó phát quà không đủ, bị người không có quà chửi mắng khiến mình sân hận, thề thốt nhiều điều không hay, tạo nghiệp rồi phải đi vào đường ma. Làm công đức bấy lâu, hôm nay chỉ cần một đốm lửa sân là thiêu rụi hết. Mới thấy tâm vọng động ma quái này nó sẽ khiến chúng ta làm những hành động ma quỷ bất cứ khi nào không rõ. Phải bằng tâm Bồ-đề giác sáng để sống, tu và làm tất cả việc lành thì chính tâm giác này và thiện pháp mới đưa chúng ta đến quả vị Phật.

Chư Tổ dạy: “*Nhận được trí tuệ Kim Cang rồi thì mọi việc đều vô ngại, pháp pháp thấy đều thông, việc làm tâm thường hàng ngày là Phật pháp, đi đứng nằm ngồi cũng là Phật pháp, bình thường tâm càng không ngoài Phật pháp. Thần thông diệu dụng vô thượng đã là Phật pháp thì vui cười giận trách thấy đều là phương tiện thiện xảo, cũng không ngoài Phật pháp. Nếu chưa tỏ ngộ trí tuệ Kim Cang, dù có thần thông dời núi lấp biển cũng chỉ là tà thuật của yêu ma*

ngoại đạo.” Cho thấy, tất cả các hành động, việc làm đều căn cứ vào tâm Bồ-đề giác sáng cứng chắc như Kim Cương để xác định đã hợp đạo hay chưa, chứ không thể nhằm trên sự tướng để đoán biết và khẳng định được.

Thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm nói: *“Bậc thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng quả lên Niết-bàn bởi vì công chưa bằng với chư Thánh.”* Chỗ thấy đồng chư Phật, nhưng công hạnh lợi tha chưa bằng chư Thánh (Phật) cho nên chưa chứng quả Niết-bàn. Hành giả tu tập, trước cần phải kiến tánh, ngộ tâm. Kế đến sống thẳng bằng tâm tánh ấy, tùy thời tiêu dung tập khí, đóng cửa các đường ác (không làm các điều ác), thực hành hạnh lợi tha, giáo hóa độ sanh. Không rời tự tánh giác ngộ mà tu hành các thiện pháp thì mới có ngày công viên quả mãn, thành tựu Phật đạo.

Đức Phật là đấng “Lưỡng Túc Tôn”, tức là phước đức và trí tuệ đều tròn đầy viên mãn. Hành giả tu hành nếu chỉ thiên về trí tuệ mà khuyết phước đức thì không thể thành Phật.

Những lời dạy và sự thành tựu của Phật Tổ là một minh chứng hùng hồn, nhấn mạnh tầm quan trọng của tâm Bồ-đề giác sáng cứng chắc như Kim Cương và các thiện pháp phải đầy đủ viên dung trong đời sống tu hành của mỗi hành giả. Thiếu một trong hai đều bị thiên lệch, không hợp đạo, không thể tiến đạo và thành đạo được.

***b) Thiện pháp giúp cho công phu tu tập được thuận
duyên, tiến đạo.***

Thực tế cho thấy, người thiếu phước, sẽ thiếu duyên, gặp nhiều chướng ngại trong cuộc sống và công phu tu hành. Đồng thời, người chỉ thiên về vắng lặng mà bỏ quên các thiện pháp thì sự nhìn nhận thấy biết bị phiến diện, trí tuệ cũng không được lớn rộng và tròn đầy như người dung nhiếp cả hai.

Trên thực tế có nhiều huynh đệ cùng xuất gia một lượt. Có những vị vừa nhiếp tâm tu tập, vừa bận rộn nhọc nhằn với công việc xây dựng thiền viện. Những vị còn lại thì có nhiều thời gian rảnh rỗi để chuyên tu và học nhiều hơn, không tham gia công tác như huynh đệ mình. Một thời gian sau, những huynh đệ vừa chuyên tâm tu tập, vừa công quả thì có những bước chuyển biến trong tâm đặc biệt đến bất ngờ. Sau này ra làm Phật sự cũng rất thuận duyên, làm được nhiều việc lợi ích đáng kể cho đời, cho đạo. Những vị tu tập trong thuận duyên thì chỉ được an nhàn thanh tịnh trong một môi trường cố định an toàn vậy thôi. Khi bước vào công việc thì khó chặn giữ tâm mình; sự và lý trái ngược, tu hành và công việc bị xung đột, khó dung thông, gặp nhiều chướng ngại. Đồng thời, không đầy đủ nhân duyên để làm được những gì như nguyện. Đây là một sự thật đã hiện hữu rất rõ trong đời sống tu hành. Không phải chỉ trong một bộ phận mà gần như của tất cả. Thêm lần nữa cho chúng ta thấy rõ một minh chứng sống trong việc khéo léo dung công tu tập trên hai cảnh động và tịnh. Đồng

thời, sự thật này đã xác quyết, khẳng định, song song với việc sống về bằng tự tánh giác sáng, hành giả cần tu hành các thiện pháp để đạt đến thể dụng không hai, lý sự viên dung, sẽ tiến bộ đặc biệt, tự tại, tiêu sái.

c) Tu tập thiện pháp và tự tánh giác sáng không hai.

Lục Tô Huệ Năng nói: “*Không lìa tự tánh tức là phước điền.*”. Nhưng ngài vẫn đeo đá giã gạo chứ không phải ngồi không. Vì vậy ngài dạy:

*Ngơ ngơ không tu thiện,
Ngáo ngáo không làm ác.
Lặng lẽ dứt thấy nghe,
Thênh thang tâm không dính.*

“Ngơ ngơ, ngáo ngáo” là tâm bình lặng, không khởi tâm động niệm phân biệt trên các tình huống, hoàn cảnh. “Không tu thiện” là có làm các việc thiện lành, nhưng không chấp, không dừng trụ, không chú tâm vào chỉ mỗi công việc thiện lành đó mà không lo tu tập thiền định. “Không làm ác” là tuyệt đối không làm tất cả các điều ác, chứ không phải có làm mà không dính mắc như tu thiện. Hằng ngày sống bằng tâm sáng sạch, không khởi phân biệt (ngơ ngơ, ngáo ngáo), nhưng biết đóng cửa các đường ác (không tạo ác), tùy duyên làm các công đức lành mà không dừng trụ hoặc dính chấp (không tu thiện). Không tâm trên cảnh, không cảnh trong tâm. Không có chỗ an trụ, chặn giữ tâm, nhưng sáng biết suốt qua tất cả mà không phải là phân biệt của ý thức. Ngay đó, tâm thể

vốn tự rạng ngời, thên thang, không dính mắc gì, không có gì làm cho ngăn ngại được. Vì vậy Tổ nói: “*Lặng lẽ dứt thấy nghe, Thên thang tâm không dính*”.

Đây là Lục Tổ nói rõ sự cần thiết và phương pháp tu tập các thiện pháp. Tùy duyên chứ không phải bày biện lắt léo. Các pháp thiện lành cần thiết, đủ duyên thì tùy hỷ và thực hiện, nhưng không rời bản tâm giác sáng. Hằng sống bằng bản tâm ấy, nhưng không phải chần giữ, cố định phải ngồi yên hay làm gì. Duyên đến thì hiện bày cái thể trên dụng, khi không có duyên gì thì dấu cái dụng trong thể, ngàn thánh cũng khó để mắt dò tìm. Khéo sống như thế để tu tập các thiện pháp thì mới khế hợp với Phật đạo, sẽ có lúc thành Phật.

d) Thiếu thiện pháp, không thể chứng đạo.

Vào thời Tổ Ưu-ba-cúc-đa có một vị tăng có tài quản lý công việc. Đi đến đâu các chúng Tỳ kheo cũng đều cùng nhau mời Ngài trông coi việc chúng tăng. Họ nói: “*Trưởng lão hẳn là quản lý việc của chúng tăng. Đàn Việt nhân Ngài mà được sanh căn lành. Chúng tăng nhân Ngài mà được cúng dường*”. Bảy giờ Tỳ kheo kia nhàm chán nhiều việc nên không chịu làm việc nữa, bèn qua Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa cầu học pháp. Tổ quán xét biết đây là thân sau cùng, lý đáng được đạo quả, chỉ vì phước chưa đầy đủ nên chưa được. Tổ Ưu-ba-cúc-đa dạy nên vì chúng tăng mà đi khuyến hóa, lo sắm đồ cúng dường. Khi dâng tứ

sự cúng dường đại chúng tăng và được Thượng tọa chú nguyện xong, Tỳ kheo này liền đắc quả A-la-hán.

Cho thấy, thiện pháp là một trong những nhân duyên góp phần vào việc tu tiến, chứng đạo rõ ràng. Vị Tăng trên có được nhân duyên rất thù thắng. Khi còn thiếu chút phước mới chứng đạo thì được nhân duyên đưa đẩy, khiến Ngài đi đến đâu cũng được đại chúng tín nhiệm mời đảm nhiệm các công việc để tăng thêm phước đức, góp phần vào trong nhân duyên chứng đạo. Nhưng Ngài nhàm chán không chịu làm nữa thì lại có Tổ Ưu-ba-cúc-đa chỉ cho để nhận ra, nhờ đó chúng được thánh quả.

Không phải ai cũng đầy đủ phúc duyên gặp được Phật Tổ chỉ dạy cho riêng mình như vị Tăng trên. Chúng ta sanh ra trong thời không trực tiếp gặp được Phật Tổ thì chỉ còn biết nương vào lời dạy của quý ngài để hành trì, quyết chí hạ thủ công phu đúng pháp, tu tập các thiện pháp, tạo công đức lành. Nếu tự mình không nhận ra để tự nguyện tu tập các thiện pháp thì nhân duyên sẽ sắp xếp việc ấy. Cụ thể khi được phân công làm công việc nhọc nhằn, vất vả cho đại chúng mà hợp đạo thì biết đây là nhân duyên lành để đưa mình tiến đạo như vị tăng trên. Nếu cứ chọn điều hợp với sở thích của mình thì đó là đi tìm điều hợp với phàm tình yếu đuối, chứ không phải biết rèn luyện để thành tựu Phật đạo. Bởi bậc đã sáng đạo thì không còn có cái mình để thấy hợp và không hợp với điều này, việc kia.

Đại sư Tông Bồn Viên Chiếu, người đời Tống, thiên tánh nhân từ, thông minh đỉnh ngộ, giỏi thơ phú, nương theo pháp sư Vĩnh An Đạo Thăng xuất gia học đạo. Đạo Thăng là một Đại sư đức học đạt đến chỗ thâm sâu, đối với kinh điển có ngộ giải đặc biệt, đạo hạnh rất cao, rất được mọi nhân sĩ từ triều đình đến dân dã kính trọng. Trong từng lâm, mọi người chẳng tiếc ngàn dặm xông pha, từ xa đến cầu đạo rất nhiều. Ngài Viên Chiếu Tông Bồn theo hầu một bên Đại sư, thấy khá nhiều người đến trước cầu đạo, liền đem lòng xót thương kính phục.

Sư thường mặc y rách, gánh nước chặt củi, xuống bếp chuẩn bị ẩm thực để cúng dường đạo hữu đến tham học. Tuy ban ngày làm việc Tăng bận rộn, nhưng chiều đến, Sư vẫn đến chỗ ân sư tham học, chẳng dám lười biếng kiêu mạn mảy may. Có lần, ngài Đạo Thăng hỏi: *“Hành hạnh đầu đà, vì đại chúng làm việc bận rộn, có cảm thấy mệt nhọc chăng?”*. Sư đáp: *“Nếu bỏ một pháp tức chẳng thể viên mãn Bồ-đề. Con vì muốn đời này có chỗ chứng ngộ, đâu dám nói mệt mỏi!”*. Tinh thần của Sư khiến người người kính phục.

Người xưa quên mình vì đạo, chỉ một bề hướng tiến đạo lý chân thật, không nghĩ đến bản thân cho nên mới có ngày tỏ sáng đại đạo. Thời nay vật chất dồi dào, đời sống nhiều tiện nghi, nếu không khéo tu tập, chúng ta dễ ngủ quên trên sự chôn vùi của những tiện nghi hiện đại, vật chất dồi dào ấy, thì liệu có còn thấy “Đạo là gì, ở đâu?”.

e) *Sự lý viên dung.*

Ngài Tăng Triệu nói: *“Hữu vi tuy nguy, xả chi tắc đại nghiệp bất thành. Vô vi tuy thật, chấp chi tắc huệ tâm bất lãng.”*. Nghĩa là, các pháp hữu vi, các công việc thiện pháp tuy hư huyền, nhưng nếu bỏ nó thì đại nghiệp thành đạo sẽ bị kém khuyết, không thể viên thành. Pháp vô vi, tức là tâm tánh này dù thật, nhưng nếu chấp trụ vào nó thì cũng không thể phát huy được tự tánh vốn giác sáng trùm khắp ấy.

Thực tế, các pháp từ tâm. Tâm chưa tỏ sáng thì dù có ngồi không để tu hành cũng chỉ là kèm đè, buộc niệm, chưa thoát khỏi tạo tác sanh diệt. Khéo ngay đây nhận thẳng bản tâm giác sáng an nhiên, người này sẽ có năng lực tùy thuận tốt trên các công việc thì việc nào cũng không ra ngoài tâm giác sáng, đâu đâu cũng là Phật pháp cả. Đâu có phân biệt thấy đây là pháp hữu vi để bỏ, kia là pháp vô vi để buộc mình trong đó? Sống như thế, tự viên dung, hợp đạo.

Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu nói: *“Thật tế lý địa, bất thọ nhất trần. Vạn hạnh môn trung, bất xả nhất pháp.”*. Trong chỗ rốt ráo vốn không một vật, các pháp không đến được, do đó Ngài nói “không dính một mảy trần”. Là quay lưng, ‘không làm gì cả’ mới được không dính? Hay vẫn đôi diện để ‘làm tất cả’ mà vẫn không dính dáng gì? Nói là ‘quay lưng với cảnh’ hoặc cố định phải ‘đối diện với công việc’, đều chưa rời khỏi công việc và hoàn cảnh để nói, là quên tâm này rồi, không phải là chỗ “Thật tế lý địa”. Chỉ cần

nhận thẳng tâm này thì tùy duyên tùy thời để ‘làm tất cả công việc’ hoặc ‘không làm gì cả’ một cách tự tại, tiêu dao; như nắm lên hoặc buông xuống một vật nhỏ trong tay, không có gì phải đặt vấn đề cả. Cho nên Ngài nói, tuy chỗ thật tế không nhiễm một mảy trần, nhưng trong cửa muôn hạnh không bỏ một pháp. Còn có tâm lấy bỏ thì tâm này chưa sáng khắp, thể dụng còn phân định, lý sự chưa viên dung, là chưa khế hợp với đại đạo.

Trên đây là những gương hạnh sống, những lời dạy thống thiết cho người sau về việc tu hành làm sao cho được viên dung, đạt đến viên mãn, không bị thiên lệch một bên dù đó là sự hay lý, thể hoặc dụng.

3.3. Khổ luyện, nung chí, rèn tâm, mới mong thoát khỏi phàm tình và sáng đạo.

Lo làm các việc thiện mà không an tịnh tự tâm thì chưa rời khỏi sanh diệt tạo tác, chưa khế hợp với bản tâm thanh tịnh giác sáng, làm sao ngộ nhập? Ngược lại, nếu chỉ một bề chú trọng về lý mà bỏ sự, không tu tập các thiện pháp thì không đạt đến lý sự viên dung, cũng không thể tiến đạo. Cụ thể, đối với người mới tu tập, do phước đức còn giới hạn cho nên buổi đầu thường gặp nhiều chướng ngại. Thân có khi bị bệnh; đời sống có nhiều nghịch duyên; tâm thì không sáng, có khi cảm thấy chán chường không biết mình đang muốn gì. Với người tu hành lâu hơn thì bị trì trệ, nặng nề. Tâm thì không thấy có tiến bộ, không phấn chấn, sáng suốt. Cuộc sống tu hành thì cứ bình

binh, đơn điệu, như thể sống qua ngày đoạn tháng cho hết kiếp vậ thôi. Có khi tìm lấy những niềm vui trên nhiều sự tương của cuộc thế. Nhưng tất cả những niềm vui thế gian đều có giới hạn và ít ỏi, khiêm nhường, không đủ lớn để giúp cho con người ta vui mãi. Chỉ có niềm vui của thiền duyệt, pháp hỷ mới vĩnh cửu, khiến cho chúng ta mãn ý. Ở trong đạo càng lâu mà không tiến bộ, không có niềm vui với chánh pháp thì tâm sẽ có nhiều khúc mắc, tự sanh chướng ngại khó lường. Tất cả đều do buổi đầu mới vào đạo muốn an nhàn, không chịu khó rèn luyện, tu tập các thiện pháp, về sau phải bị nhiều thiệt thòi đáng tiếc như vậy.

Thiền sư Quang Sơn Huệ Huyền là người khai sơn trụ trì chùa Diệu Tâm. Sư chỉ xây cất những ngôi nhà đơn giản, thô sơ để thờ tự và tu tập, không chú trọng đến đồ vật trang trí, không thích những nghi lễ rườm rà. Phong cách giảng dạy và đào tạo của Sư rất nghiêm khắc. Sư đòi hỏi nơi đệ tử một ý chí, một tâm thái mạnh mẽ tinh tấn tuyệt đối. Đa số người học sau một thời gian đều không chịu nổi, rời Sư ra đi. Chỉ có thiền sinh nào đầy ý chí kiên trì mới dám ở lại tu tập. Dưới sự hoằng hóa của Sư, Diệu Tâm tự được gọi là “Địa ngục tốt cùng của Phật pháp.”.

Có lần Ngài Mộng Song Sơ Thạch trụ trì chùa Thiên Long là vị Quốc sư bảy triều Vua, đến thăm Diệu Tâm Tự. Thấy chùa đơn sơ, không nặng vật chất, đại chúng khổ hạnh, tu hành nghiêm cẩn, ngài Mộng Song nói, chính nơi này sẽ làm cho Phật pháp

hung thịnh, ngày sau con cháu của Huệ Huyền sẽ được truyền thừa lâu dài. Ta tuy được danh tiếng, tiện nghi, nhưng con cháu của ta về sau bị dứt tuyệt, không còn nữa.

Đúng như lời Quốc sư Mộng Song nói, nhờ vào chùa chiến đơn sơ, không nặng nề lệ thuộc vật chất, sự giáo hóa nghiêm minh, đại chúng tu hành nghiêm cẩn mà thiền Lâm Tế chánh mạch được truyền đến những đời sau đều qua dòng này. Cho đến nay, dòng thiền của Sư đã trở thành dòng thiền chính thống của tông Lâm Tế Nhật Bản. Kết hợp ba vị đại Thiền sư: Quốc sư Đại Ứng (là Thầy Quốc sư Đại Đăng), Quốc sư Đại Đăng (là Thầy Ngài Quan Sơn Huệ Huyền) và Thiền sư Quan Sơn Huệ Huyền trở thành một Pháp hệ Thiền Lâm Tế Nhật Bản nổi tiếng: Ứng-Đăng-Quan.

Một thực tế cho thấy, hiện nay xã hội ngày càng phát triển, vật chất dồi dào, đời sống tiện nghi, tinh thần dễ dãi cho nên khó tìm được bậc pháp khí như ngày xưa. Hy vọng, đã có duyên với chánh pháp thì mỗi người tự biết làm cho mình trở thành một bậc pháp khí, có lợi ích lớn cho đạo, cho đời, mới không luống phí một đời trôi sông vô ích.

3.4. Tóm lại.

Nếu hành giả biết lúc nào nên chuyên tu, đạt thể. Khi nào mới đủ lực để dẫn thân vào sự, phát huy diệu dụng. Khéo cân bằng hài hòa giữa lý tánh và sự thể để đạt đến thể dụng không hai, lý sự viên dung; tiến đạo

như thế mới khế hợp với đạo giác ngộ giải thoát Phật Tổ đã chỉ bày, sẽ có lúc thành tựu Phật đạo.

4. CẦU THIỆN TRI THỨC, MINH SƯ – DỤNG CÔNG ĐÚNG PHÁP.

4.1. Cầu Thiện Tri Thức, thân cận minh sư.

Kinh A Hàm, đức Phật dạy bốn nền tảng đưa hành giả đạt đến giác ngộ:

- a) *Trung thành với Thầy Tổ.*
- b) *Tôn trọng và vâng lời Thầy Tổ.*
- c) *Gìn giữ Giới Luật tinh nghiêm.*
- d) *Tôn Trọng và Phụng sự đồng đạo.*

Phát tâm tu tập, cần tìm bậc thầy là Thiện Tri Thức sáng đạo hướng dẫn cho mình. Khi đã theo thầy học đạo thì phải tuyệt đối tin tưởng, tôn trọng, trung thành và vâng lời Thầy Tổ, mới không bị các chương ngại và tiến đạo được.

Trong Học Đạo Dụng Tâm Tập, Thiền sư Đạo Nguyên dẫn lời người xưa: “*Phát tâm không chánh, muôn hạnh luống làm*”. Ngài nói tiếp: “*Người tu hành nên chọn xem bậc thầy chánh hay tà để nương về tu tập. Người học như gỗ tốt, vị thầy như người thợ. Dù cho gỗ tốt mà không gặp người thợ giỏi thì không bày được vẻ đẹp đặc biệt. Dẫu gỗ có cong, nếu gặp người khéo tay thì công khéo càng hiện rõ. Cũng vậy, tùy thuộc vào bậc thầy chánh hay tà mà chỗ ngộ*

của học trò có chơn hay nguy, chiếu theo đây thì biết rõ”.

**** Ngài nói về vị thầy chưa chín:***

“... Lờ lẽ của họ còn xanh, chưa chín. Chưa đến đỉnh của học địa, làm sao đến được bên thềm chứng ngộ? Chỉ truyền chữ nghĩa, khiến tụng danh tự, ngày đêm đếm bấu cho người, tự mình không tiến phân nửa. Người xưa trách ở chỗ này. Hay là dạy người cầu chánh giác ngoài tâm,... Hoặc loạn dấy lên từ đó, tà niệm chính ở nơi đây. Dẫn rằng cho thuốc hay mà không dạy phương tiêu giải độc thì gây bệnh còn nặng hơn uống thuốc độc”.

**** Ngài nói về vị thầy chân chánh:***

“Là vị Thầy chân chánh, chẳng luận lớn nhỏ, chỉ là tỏ sáng chánh pháp, được bậc Thầy chánh ngộ ấn chứng. Văn tự chẳng lấy làm trước, giải hội chẳng lấy làm trước, có lực lượng khác thường, có chí khí cao vút, không câu chấp ngã kiến, không dính kẹt tình thức, hạnh giải tương ưng; đó chính là bậc Thầy chân chánh vậy”.

Người chưa sáng mắt, không thấy rõ đường thì không thể hướng dẫn người khác cùng đi được. Thầy khó thì trò mới nên. Nhưng phải là bậc thầy nào, khó về việc gì, bằng cách như thế nào, để đạt đến đâu...; tất cả phải được xác định rõ ràng qua trí tuệ thì mới xác định được cái “nên” không bị sai lệch. Nhất là thời đại hiện nay, nhiều thông tin trên mạng xã hội chưa được kiểm chứng, nhưng có nhiều vị học đạo hời

hợp và dễ dãi với chính mình. Không có tâm tìm thầy học đạo, chỉ ngồi đó học theo những gì kịp thấy trên mạng, không biết là đã đúng hay chưa. Tu tập như thế sẽ rơi vào tai họa. Người trước sai, kéo theo nhiều thế hệ sai. Nhiều người sai như vậy thì cái sai lại vô tình biến thành đúng bởi hiệu ứng số đông chứ không phải khế hợp với chân lý. Còn những người đúng thì quá ít cho nên không được nhiều người hưởng ứng. Cuối cùng bị rơi vào tà kiến, đọa lạc. Tu hành để cuối cùng đi vào đường ma, đọa lạc, có lẽ không ai muốn chút nào. Người xưa rất cẩn trọng với việc này, vào trong thâm sơn cùng cốc, tìm thầy học đạo. Hiện nay phần nhiều quá dễ dãi, chỉ ngồi đó để tìm đạo tìm thầy hợp với sở thích và cái thấy của mình. Nếu đã là thánh thì không còn tìm thầy học đạo. Còn là phàm mà tìm những gì hợp với mình thì chỉ là hợp với phàm tình, làm sao khế hợp với đạo lý chân thật giác ngộ giải thoát được.

4.2. Dụng công đúng pháp.

Dụng công đúng pháp gồm có chọn pháp (trạch pháp) và đi thẳng, quyết chí hạ thủ công phu. Cụ thể, hành giả tu tập, trước tiên cần học thông những lời Phật Tổ chỉ dạy, nắm vững phương pháp hành trì. Kế đến quyết chí hạ thủ công phu khế với bản tâm, hợp với trung đạo, không rơi vào các cực đoan khác. Không quanh co vòng vo dài dòng để rơi vào kiến thức, tạo tác, sanh diệt. Như muốn lên đỉnh núi thì phải chọn cho mình một con đường thẳng tắt. Kế đến

là một mực thẳng tiến, đến đỉnh, chứ không phải đi lòng vòng nhiều con đường cho hay, cho lạ.

Các Thiền sư hay ví dụ con đường thẳng tắt này như cá hóa rồng. Còn là cá thì có vẫy vùng đến mấy cũng không thoát khỏi nước, ướt vẫn cứ ướt. Khi đã bơi đến được vũ môn hóa rồng thì mới được tự tại, muốn lên trời hay xuống biển tùy thích. Tương tự, hành giả tu hành nên nhắm thẳng một con đường thẳng tắt nhất. Sau đó một mực thẳng tiến đến vũ môn, nơi rẽ nhánh giữa mê và ngộ, phàm và thánh. Dùng hết sức bình sinh quấy mạnh một phát vượt thoát khỏi ngăn mé của động và tĩnh, sanh diệt và vô sanh, tâm này bừng sáng, mới được tự tại, tiêu sái.

5. THỜI GIAN.

Yếu tố thời gian ở đây là thời điểm phù hợp. Hành giả dụng công đúng pháp, miên mật, khi thời tiết nhân duyên chín muồi, tâm tự bừng ngộ, chứ không phải ước định trước một thời gian nhất định nào đó. Đồng thời, cũng không phải là tu hành giải đãi, hện từ từ cần có thời gian để chờ đợi ngộ đạo.

Cụ thể ở đây, hành giả khéo léo dụng công như thể thả mình vào nơi không nơi chốn, không còn có chỗ cho tâm sanh khởi, tự khế hợp với tự tánh, sẽ có lúc bừng ngộ.

5.1. Trung đạo.

Thông thường người tu hành dễ rơi vào hai cực đoan. Một là ở vào chỗ an toàn rồi tu từ từ. Hai là

nóng vội muốn mau ngộ đạo. Cả hai đều là cực đoan, không phải trung đạo, không hợp đạo. Tu hành trong cực đoan như thế dễ đưa đến nhiều sai lầm đáng tiếc, đánh mất cơ hội tiến đạo.

Thê đạo vô tướng vốn sẵn vậy. Không phải do làm, cũng chẳng phải không làm gì mà được. Bởi có làm gì dù đó là tu hành mà còn kẹt trên tướng, nóng vội mong mau ngộ đạo, đều rơi vào tạo tác sanh diệt. Ngược lại, nếu không làm gì cả, tu từ từ thì rơi vào vô minh. Cả hai đều không hợp đạo. Muốn tiến đạo, chúng ta cần nhận ra và khéo léo dụng công để ít nhất là không rơi vào hai cực đoan này.

*** Không nóng vội:**

Không phải gấp vội muốn mau ngộ đạo. Như thế sẽ rơi vào nhiều tiêu cực sau đó làm hỏng việc tu tập, có khi không thể tiếp tục được nữa.

*** Không trì hoãn:**

Không phải tu hành theo kiểu chần chừ, từ từ, tà tà, hẹn nay hẹn mai, không quyết tâm, tha thiết.

*** Thời gian:**

Rời hai cực đoan trên thì khế hợp với trung đạo, khế hợp với thê tánh, mới tỏ sáng thê đạo chân thật. Tức là sau khi đã học thông, nắm vững đường lối tu hành rồi, chúng ta chỉ còn yên lòng để quyết chí hạ thủ công phu. Thấy rõ và xác quyết, tin chắc rằng, tu hành như thế chắc chắn sẽ có lúc tiến đạo. Chỉ còn hạ thủ công phu như thế nữa là ngộ đạo thôi, không phân

tâm hay mong ngóng gì nữa. Đây gọi là yếu tố thời gian.

5.2. Để lại tâm bình thường.

Có một học Tăng đến pháp đường thưa với Thiền sư:

- Thiền sư! Con thường thường ngồi thiền, luôn luôn đọc kinh, thức khuya dậy sớm, tâm không tạp niệm, tự xét dưới tòa của Thầy không có ai dụng công hơn con, tại sao không cách gì khai ngộ?

Thiền sư cầm một hồ lô, một nắm muối hột đưa cho vị học Tăng, nói:

- Huynh đem hồ lô này đựng đầy nước, rồi bỏ muối vào cho nó hòa tan, lập tức, huynh sẽ khai ngộ.

Học Tăng vâng lời làm theo. Không bao lâu, chạy vào thưa:

- Miệng hồ lô quá nhỏ, con đem nắm muối bỏ vào, hòa tan không xong, lấy cây khuấy cũng chẳng động, con lại chẳng có cách nào khai ngộ.

Thiền sư cầm hồ lô đổ bớt ra một ít nước, lắc lắc vài cái, khối muối liền tan hết. Thiền sư từ tốn nói:

- Một ngày từ sáng đến tối dụng công, nếu chẳng để lại một chút tâm bình thường thì cũng như hồ lô đựng đầy nước, lắc không động, khuấy không được, thì làm sao tan muối? Làm sao khai ngộ?

Học Tăng thưa:

- Chẳng lẽ là không dụng công mà có thể khai ngộ?

Thiền sư bảo:

- Tu hành như đánh đàn, dây căng quá thì đứt, dây chùng quá thì khảy không ra tiếng. Tâm bình thường trung đạo, mới là gốc ngộ đạo.

Thoảng một chút không gian để chính mình buông lỏng. Lơi một chút thời gian, để chính mình chuyên thân. Không vội gáp, không trì hoãn; không khẩn khoản, không buông lung. Khéo sống và tu tập như vậy thì sẽ có lúc bất chợt tâm này bùng vỡ, vụt sáng không ngờ.

6. KẾT LUẬN.

Thê đạo thâm thang, trùm khắp, nhưng sẵn đó nơi mỗi người. Nhận thì ngay đó liền nhận, không thì liền trôi qua nhanh, không có điều kiện nào cả. Nhưng phần nhiều chúng sanh do nghiệp thức che đậy, còn nhiều chướng duyên cho nên chưa thể một nghe ngàn ngộ, sự lý khó viên dung, do đó, bị rơi lại phía sau. Không thể nói giọng thánh một cách thiếu thực tiễn trong khi mình còn trong phàm tình mê muội, đó là tự mình lừa dối chính mình, đưa đến tai họa khó lường. Không còn cách nào hay hơn là phải thật thà với chính mình để quyết chí hạ thủ công phu, mới mong có ngày tiến đạo.

Trên quãng đường này, còn nhiều sự chi phối tác động đến lộ trình và đích đến. Một trong những số ấy

thì năm pháp trên là những điều tối yếu ít nhất mà hành giả cần phải lưu tâm. Không kể đến những bậc tái lai, một đời nữa liền xong. Còn lại, còn là hành giả tu hành, nếu khiếm khuyết sơ suất với một trong năm pháp trên thì con đường trở về quê cũ của mình còn lắm chông gai, chưa biết chuyện gì xảy đến. Nhưng người cẩn trọng và miên mật thì việc tu hành lại suôn sẻ, nhẹ nhàng và tiến bộ bất ngờ. Sẽ tự mình hay ra, việc này không phải chỉ dành riêng cho Phật Tử. Chắc rằng, không ai dại gì bỏ qua năm pháp ít ỏi, nhưng rất căn bản đưa đến tiến đạo như thế để tự làm khó mình.

TỰ XÉT CÔNG PHU TU TẬP

1. TU TẬP LÀ SỐNG ĐÚNG CHÂN LÝ, RẤT THẬT.

Sự thật luôn là sự thật. Chưa nói đến nhiều kiếp, cuộc đời đời đến già mới biết thì đã phải trả giá quá đắt và muộn màng, không còn kịp để sửa đổi. Tu tập là một cách sống, nhưng sống thật, sống đúng để không bị những hối tiếc ân hận về sau. Vì thế, hành giả tu tập không thể dễ dãi tin vội qua cảm xúc, mà phải bằng vào nhiệt huyết và trí tuệ để chín chắn suy xét tìm ra chân lý rồi mới thực hành. Không phải muốn dễ dàng chịu uốn theo cảm xúc của phàm tâm để vô tình tự đánh lừa chính mình. Tu hành là một cuộc sống tinh cần, rèn luyện trong an vui rất thật. Bởi chân lý luôn là sự thật, khiến cho chúng ta an vui mãi mãi. Xanh là xanh, vàng là vàng, nó được khẳng định bởi tất cả mọi người, không ai có thể chối bỏ được. Để đời sống tu hành đạt được như thế một cách cụ thể, chúng ta có thể kiểm tra lại mình qua các câu hỏi:

*** Con người có thích những món đồ ưng ý hay không?**

- Ai cũng thích, không muốn rời bỏ.

*** Chúng ta có thực sự thích thú với những gì mình đang làm, đang sống hay không?**

- Cần kiểm tra để xác định lại cuộc sống, để thực sự được sống là chính mình, không đau khổ.

Có khi chúng ta buộc phải công kên, ca ngợi việc của mình đang làm, nơi mình đang sống như là một khẩu hiệu vì đồng tiền, vì danh dự, vì cuộc sống chứ chưa hẳn đã yêu mến nó thực sự. Thử lắng lòng lại sẽ nghe tiếng lòng mình nói, sẽ nhận ra, chứ không cần biện minh hay nói cho ai nghe cả. Vì đây là cuộc sống của mỗi người chứ không phải của người khác. Không ai có thể sống thay cho mình và mình không thể nào lừa dối lòng mình được, dù có cố tình, mong muốn.

Hoặc có khi cuộc sống chỉ là một sự gắng gượng để sống. Vì hoàn cảnh bắt buộc như vậy chứ tôi cũng không thích. Cuộc sống này trót lỡ vậy rồi, cố gắng để sống cho tốt vậy thôi. Hoặc sống ngày nào hay ngày đó, chứ thực sự thì đã quá mệt mỏi rồi. Hay cuộc sống này cảm thấy ngày càng bị áp lực, căng thẳng quá...

Như thế là chưa thực sự được sống thật với những gì mình mong muốn. Tu hành phải là cuộc sống bằng chính mình lựa chọn chứ không bị bất kỳ ai hay bất cứ gì ép buộc. Không phải khiên cưỡng, chúng ta thực sự muốn tu hành và cảm thấy rất vui, rất may mắn khi mình được đủ duyên sống đời thanh cao, thoát tục như thế.

*** Ở thế gian, khi học hết học hàm, có đủ học vị rồi, có còn thích thú cấp sách đến trường nữa hay không?**

- Thực tế là không.

Cho thấy, song song với sự cần thiết và nhiều ý nghĩa khác, nó còn ngấm ngấm vi tế xem đây là vi tình thế chứ chưa hẳn là việc thực sự ưa thích cho tất cả mọi người. Học để hoàn thành cho xong học hàm chứ quá vất vả, không muốn ở trong đó mãi.

*** Khi tu tập, sáng đạo, niềm vui ngập tràn, tự tại tiêu sái, không còn khổ đau, hành giả có thích hay không?**

- Không thích cũng không được. Bởi trong thế tánh ấy tự hoan hỷ, an vui.

Qua các câu hỏi trắc nghiệm trên cho thấy, mọi thứ ở thế gian luôn có giá trị tương đối, nếu không muốn nói là hư dối, tạm bợ. Chân lý luôn là sự thật. Mọi người tự cảm nhận được ngay nơi chính họ. Hơn hết, nó được khẳng định bởi sự cảm nhận rất thật này nơi chính tự thân của tất cả mọi người. Bất kỳ ai đạt đến đều cảm nhận được giá trị thực như vậy, chứ không phải là một sự áp đặt, ép buộc, khiên cưỡng bởi một áp lực nào đó từ bên ngoài dù là vi tế, nhỏ nhiệm.

2. VỀ THIỀN VIỆN (CHÙA) HAY ĐẾN (SANG) THIỀN VIỆN?

Quý vị ở Việt Nam sang nước ngoài định cư. Thời gian sau đủ duyên trở lại quê để thăm người thân. Ai cũng nói “Về Việt Nam” chứ không người nào nói “Sang Việt Nam” cả. Nói là “về” bởi xem Việt Nam là quê hương của mình. Vậy hiện nay, quý Phật tử đang “Về thiền viện” hay “Đến thiền viện”?

Đức Phật đến với cuộc đời rồi vào (trở về) Niết-bàn. Bởi Ngài đã giác ngộ giải thoát, không còn đấm nhấm trong trần tục. Phần đông mọi người thường đến với Chùa, đi Chùa chứ ít có ai về được với Chùa. Nếu vị nào xuất gia nửa chừng không tu nổi nữa thì hoàn tục, tức là xem trần tục là nơi để trở về. Tại sao không nghĩ, không tu nổi thì về lại Chùa? Bởi tâm thế tục mạnh hơn tâm đạo pháp. Cho nên các bậc Tổ đức dạy: *“Đạo niệm nếu bằng với tình niệm thì thành Phật đã lâu rồi”*.

Về là trở về lại chốn chân thật của chính mình. Đến là ra đi để tạm đến một nơi khác. Về thiền viện là về nơi tu tập, để được trở về lại ngôi nhà vô tướng muôn thuở chính mình. Vậy, chúng ta đang xem việc tu tập chánh pháp là trở về? Hay chỉ là một nơi tạm đến để rồi sẽ về lại ngôi nhà thế tục? Đặt lại câu hỏi nơi tâm mình, sẽ nhắc thức và định vị rõ ràng tâm thế tu tập.

3. TÂM HƯỚNG ĐẾN ĐẠO LÝ CHÂN THẬT HAY THẾ GIAN?

Tự hỏi, mình đang tu tập để có lực tự chủ hơn trong công việc, cuộc sống. Hay công việc, cuộc sống chỉ để phục vụ cho việc tu tập mà thôi?

3.1. Tu tập để có lực tự chủ hơn trong công việc, cuộc sống.

Nếu thế, thăm xem đạo pháp chỉ là một phần để bổ túc và phục vụ cho cuộc đời. Khi tu hành, đặt tâm thế “lấy thế tục làm chủ đạo, làm đích để hướng đến”

như thế thì không thể nào đạt đến giác ngộ, giải thoát. Bởi mục tiêu hướng đến là phàm tục và tất cả chỉ để hướng về phục vụ cho tiêu chí ấy thì làm sao chúng đạo được. Chưa giác ngộ thì tâm lực không đủ lớn để giải khổ. Có chăng chỉ là một sự an ủi tạm thời chứ không thể đạt được hết khổ an vui một cách trọn vẹn.

3.2. Công việc, cuộc sống chỉ để phục vụ cho việc tu tập.

Khởi đầu bằng tâm thế tu hành “Lấy giác ngộ giải thoát sanh tử cho mình và mọi người” làm đích đến. Làm việc, sinh hoạt là nhu cầu để duy trì sự sống, để có phương tiện tu học và làm lợi ích chúng sanh. Tất cả chỉ để phục vụ cho việc tu tập, giác ngộ, giải thoát. Với cách nhìn và sống như vậy thì khi làm việc cũng là lúc đang tu. Tất cả các vận hành sinh hoạt khác cũng chỉ để phục vụ cho một đích đến duy nhất là ngộ tâm, tự tại, tiêu sái. Có như thế mới đủ lực để dứt khổ, an vui mãi mãi được.

4. ĐANG SỐNG TRONG THỂ ĐẠO CHÂN THẬT HAY VÌ VIỆC KHÁC.

Hiện nay đây, chúng ta có an yên và giác sáng ngay chỗ mình đang ngồi, đang sinh hoạt? Hay đang nghĩ đến một công việc khác cần thiết còn dang dở, phải làm?

Ở đây không bàn đến việc an trú ngay hiện tại hay thực tại. Bởi nếu thấy có một thực tại hay hiện tại để an trú thì nó đã biến thành vật bị mình thấy biết, là cái bên ngoài mình, không phải chân thật. Đồng thời,

thấy biết như thế là đã ngằm phân hai, có mình đang nhận biết thực tại và thăm thăm sống về, sống theo cái hiện tại, thực tại do tâm mình thấy ra đó trong vi tế, tình thức không phát hiện ra. Như thế là đã bỏ quên mình mà thấy biết theo vật. Dù đó là vật gì đi nữa thì cũng là thứ bị mình biết, là tướng bên ngoài, không phải chân thật là chính mình một cách tuyệt đối. Cụ thể là chưa đạt đến thể đạo rốt ráo vốn tự thênh thang, trùm khắp, không ngăn mé.

An yên, sáng rõ ngay chỗ mình đang ngồi, có nghĩa là ở bất cứ đâu, trong bất cứ thời điểm nào, chúng ta luôn khéo giác sáng, không động, công phu vẫn đang hiện tiền như thế. Theo thời gian, công phu sẽ thuần thực, đặc lực. Tự mình cảm nhận được sự tiến bộ một cách rất rõ ràng. Chính năng lực của tâm thể này mới tự cứu mình được. Nếu không như thế, nghĩ về việc mình cần phải làm, dù đó là việc gì đi nữa thì cũng bị quên mình theo vật, là nguyên nhân đưa đến mê lầm, loạn động, sanh tử, khổ đau.

5. HẰNG NGÀY TRONG SINH HOẠT, KIỂM TRA LẠI HAI ĐIỂM.

5.1. Công phu đang hiện tiền.

Ở bất kỳ hoàn cảnh nào chúng ta cũng luôn buông thả lỏng một cách tự nhiên, nhìn mọi vật một cách trong lặng, không mê thì tâm tự sáng biết linh thông, không động. Cứ thế, mình đang lặng sáng, giác sáng trên mọi sinh hoạt, công việc, không mất

mình. Khéo sống, sinh hoạt và làm việc như vậy là đã khéo tu, lúc nào công phu cũng đang hiện tiền.

5.2. Vượt khỏi hai bên, tiêu sái, tự tại.

a) Nhằm hai bên để kiểm chứng công phu.

Đối với những thứ hai bên: Buồn vui, mừng giận, hợp ý và khó chịu, thích và không thích, vừa lòng hay trái ý... Thật lòng chúng ta đã vượt qua được bao nhiêu phân tử. Nhìn vào đó để nhận biết công phu. Từ đó nỗ lực tinh tấn rèn luyện, khéo ngay chỗ những thứ hai bên đang hiện hành với mình để dụng công, chắc chắn sẽ tiến bộ theo từng ngày trông thấy. Được vậy, đạo lực sẽ tăng trưởng, cho chúng ta tiêu sái, tự tại, tùy duyên và an lạc giải thoát.

b) Nhìn, thấy, biết, làm, hành xử... vượt khỏi hai bên.

Dùng trí tuệ để nhìn nhận mọi công việc, vấn đề, tình huống, hoàn cảnh không nằm trong hai bên.

** Không sanh tâm khen chê hay nghĩ xấu về người khác. Đối với một việc chưa tốt, thay vì nghĩ xấu là chuyện thường tình, chúng ta thử có cách nào nghĩ tốt nhưng rất hợp lý hay không? Như là:*

- Có rất nhiều điều mắt thấy cũng chưa chắc đã chính xác. Thời gian sau mới vỡ òa ra.
- Nếu được quyền lựa chọn, ai cũng sẽ chọn điều tốt, không ai chọn điều xấu cả. Vị này làm như vậy, chắc là có lý do riêng gì đó mà họ chưa

tiện nói ra. Hơn nữa, mình và mọi người có thấy nghe được gì thì cũng là theo sự thấy biết và nhận định của cá nhân, chưa chắc đã chính xác. Vì thế không nên vội kết luận. Mình cũng đâu đã hoàn hảo. Giúp được gì cho họ thì giúp, không thì thôi. Tất cả chúng sanh đều sống trên phước, nghiệp và nhân duyên của mỗi người. Không ai có thể sống thay cho ai được. Nghĩ xấu chỉ là tạo thêm nghiệp cho mình và người khác.

- Biết được việc ấy sẽ giải quyết được gì, mang lại kết quả tốt nào cho người ấy? Hay chỉ biết cho thỏa thích cái tật lảm chuyện của chúng sanh? Soi mói, phân tích chuyện tốt xấu của người khác là tập khí thị phi sâu dày của phàm phu. Nếu cứ tiếp tục như thế thì chỉ tăng thêm sự loạn động mê mờ, có hại mà không lợi ích gì.
- Còn trong sanh tử thì không có gì có giá trị thật. Vì tất cả không cứu được mình và mọi người giải thoát khỏi khổ đau.
- Tất cả các sai lầm đều do vô minh. Mà vô minh mê muội thì không thật. Như người ngủ mê nói mơ, tỉnh dậy tất cả đều không. Phút trước mê lầm thì sai. Giây sau tỉnh ngộ liền hết. Vô minh mê muội không thật thì sự sai trái trong đó cũng không có giá trị thật. Ngày mai tỉnh ra sẽ khác...

Khéo hài hòa giữa bi và trí, sự và lý phải được viên dung, không thiên lệch, ngăn trệ. Tu tập lâu ngày như thế sẽ có trí tuệ đặc biệt vượt khỏi phạm tình của hai bên.

** Trước mọi vấn đề, chúng ta an tịnh và thấy biết như thế nào để vượt thoát hai bên.*

Ví dụ, khi được hỏi, ở đây đẹp, có cho người thân đến tập tu hay không? Nếu đáp là cho hoặc không thì đã quên mình chạy theo câu hỏi, là đã rơi vào mê mờ, mà hiện tượng cho thấy là chưa vượt khỏi hai bên của cho và không cho. Như thế chỉ là cái thấy biết của thường tình, ai cũng làm được và đang sống trong gọng kềm của hai bên ấy. Không có gì xứng đáng hay đặc biệt để cho chúng ta tu hành cả.

Ngược lại, khi được hỏi, tâm chúng ta cũng bình lặng như trước khi chưa nghe hỏi, không sanh khởi gì, nhưng tự sáng biết tất cả. Nghe xong câu hỏi, chúng ta bình thản đáp: *“Chúng con không ép buộc người thân. Nhưng có nên cho mọi người đến tập tu hay không thì xin Thầy cho quý vị một lời khuyên”*. Nói cũng như chưa nói gì, thấy biết đúng chân lý, hành xử thấu tình đạt lý, không kẹt hai bên. Cũng có thể tùy vào từng hoàn cảnh và câu chuyện mà uyển chuyển để có nhiều cách xử lý, nhưng điểm chính yếu ở đây là mình vẫn ở trong tự tâm lặng lẽ mà sáng biết của chính mình, không bị biến đổi. Được vậy là đã thấy biết và hành xử vượt thoát hai bên, không đánh mất bản tâm, là đang tu tập hết sức miên mật.

Một điểm quan trọng cần lưu ý là không nên ở trên niệm sanh thêm phân biệt hai bên. Bởi niệm vốn đã không thật, ở trong niệm chỉ tăng thêm mê lầm, và ở trên niệm để tư duy trong hai bên chỉ khiến chúng ta càng thêm mê, đưa đến sai lầm, đau khổ. Nếu luôn ở trong tự tâm lặng sáng để biết suốt tất cả thì vẫn thấy rõ hai bên đúng sai phải quấy một cách tỉ mỉ rõ ràng, nhưng không động thì trí tuệ lại rạng ngời và tướng thị phi cũng trong lặng, thanh tịnh, trong trẻo, không bị chúng chi phối. Sống, nhìn nhận và hành xử như thế không khác lúc ngồi tu. Tu như thế sẽ đắc lực.

6. KẾT LUẬN.

Muốn sống đúng và tu tốt, cần thấy ra hai điều. Một là “thấy ra vấn đề”, đây là nhờ trí tuệ. Hai là “thực hiện, làm được như những gì mình thấy biết đúng đắn” phải nhờ vào định lực, nội lực của bản thân mới cho chúng ta tự chủ và sống được như những gì mình muốn. Nhưng muốn có trí tuệ sáng suốt và định lực, nội lực thâm hậu, không gì khác hơn là phải khéo dụng công tu trên mọi hoàn cảnh. Trên đây là một vài gợi ý để hành giả lấy làm cơ sở tự soi xét lại mình trong khi tu tập. Luôn kiểm điểm lại tâm qua những điều cơ bản như thế để luôn đặt mình trong công phu. Cốt yếu cũng chỉ để luôn sáng lại tâm mình chứ không phải để tâm vào những chi li khiến rơi vào tạo tác sanh diệt. Khéo léo vận dụng kiểm điểm để luôn ở trong tự thể vô tác, chắc chắn công phu sẽ đắc lực, tiến đạo.

TU TẬP CHỈ TRONG CÁI NHÌN

1. TU LÀ BIẾT SỬA SAI.

Chưa phải là bậc Thánh nhơn, khi còn là phạm phu thì ai trong đời cũng có ít nhất một đôi lần phạm phải sai lầm. Có khi do chưa biết, hay do thói quen (tập khí) chi phối, không tự chủ; hoặc do mê lầm, nhất thời bất giác... đưa đến nghĩ sai, hành xử không đúng mực, sống chưa đúng.

Đức Phật dạy, thế gian có hai hạng người tôn quý: *“Một là không phạm lỗi. Hai là nếu lỡ phạm lỗi thì biết ăn năn sám hối, sửa đổi, vươn lên”*. Chốc trước đó vừa là phạm nhân. Phút giây sau được nhắc thức, đủ duyên, tỉnh ngộ ra, sửa đổi, sống tốt, liền trở thành người tử tế. Một tội phạm tày trời còn biết sửa sai để trở thành người tốt được, có vị còn ngộ đạo trong tíc-tắc. Huống nữa mình mới phạm phải một ít sai lầm mà không biết sửa đổi để vươn lên được hay sao!

Tâm quý (hồ then) là gốc của muôn công đức lành. Mất tâm tâm quý thì công đức lành cũng mất hết. Việc ác nào cũng dám làm, sống ngông cuồng theo bản năng, sẽ gây ra nhiều tội lỗi. Và rồi khổ đau ấy chính mình phải gánh chịu. Oan uổng! Không nhất thiết phải như vậy! Chỉ cần tỉnh tâm sớm để nhìn nhận cho thật chín chắn, nghiêm túc, sẽ thấy biết một cách

đúng đắn, sâu sắc, toàn diện và tích cực. Đúng và sai chỉ trong một niệm, trong một cái nhìn “nhận biết hoặc chưa biết”. Không nên biết mà cố phạm để phải khổ đau mãi. Nếu có tâm ăn năn, dám sửa đổi, làm lại từ đầu thì sai lầm nào cũng có cách cứu vãn được.

2. CÔNG PHU TU TẬP CHỈ TRONG CÁI NHÌN.

Nhìn một cách sâu xa, nguồn gốc của mọi sai lầm đều bắt đầu từ mê mờ (vô minh). Nó khởi nguồn phát xuất từ bất giác, chợt thoáng quên mình, từ đó thấy biết theo mọi thứ bên ngoài. Thế là mê muội sanh ra sai lầm, sai lầm tăng thêm mê muội. Cứ thế chông chát, khổ não không cùng.

Đến như khuôn phép là để tốt cho mình và mọi người. Nhưng do không biết cho nên nhìn trên sự tướng và chấp theo khuôn phép. Nhằm trên đó để phán xét người khác mà quên soi lại để sửa đổi bản thân. Lâu ngày như thế chúng ta sẽ cảm thấy tự bực bội một mình, thấy cái gì cũng không bằng lòng, căng thẳng, phiền não. Đó là đã bị khuôn phép trói buộc (câu thúc).

Tai họa sai lầm này là do cái nhìn bị sai, lo nhìn ra lao theo cảnh để soi người khác mà quên soi lại nơi mình. Hằng ngày quen bất giác, quen nhìn ra. Thấy, nghe, biết đều theo ngoại cảnh, tình huống, muôn vật mà quên phản quan, lâu ngày như thế sẽ thành thói quen. Đồng thời trong tâm càng loạn động thì chân tánh càng bị lu mờ. Khi gặp ai đó có điều sơ sót, chúng ta liền theo đó mà bực bội không chịu nổi, đem

khuôn phép ra để trách cứ. Kết quả là gây thêm phiền não cho cả hai và chính mình mất đi một cơ hội để tu tập. Nếu biết phản quan, thanh tịnh, giác sáng, sẽ hay ra, không điều gì có thể làm khó mình được.

Cuộc đời vốn dĩ tương đối. Ra lệnh nhưng không được hành hết lệnh. Hành hết lệnh sẽ thất bại. Khuôn vàng thước ngọc cũng chỉ để ổn định trật tự cuộc sống nhân gian. Ngoài nhân gian ra, nó không có giá trị. Đến như Giới Luật nhà Phật cũng để ngăn quấy, dứt ác, làm thanh tịnh cho chúng sanh thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Người tu hành đạt đạo rồi thì trong tâm chúng ấy đã trọn đủ, không còn cố chấp như phàm mê. Chưa phải là bậc có trí tuệ đầy đủ để gánh vác trách nhiệm, còn là người tu hành, chúng ta nên có cái nhìn cho đúng đắn thì việc tu hành mới thanh thoát, an lạc. Với mình thì phải chặt chẽ, siết sao, kỹ lưỡng, khép mình vào kỷ cương để thanh tu, rèn luyện, dứt các tình tệ. Với người thì nên hỷ xả, độ lượng, khoan dung. Luôn tập soi sáng lại mình để tu tập, không nhìn lỗi người khác. Có vậy thì phàm tình mới mỏng dần, trí tánh thanh tịnh mới sáng soi, việc tu hành mới bớt dần lỗi lầm và lần hướng tiến đến đạo quả giác ngộ giải thoát.

Một sự thật mà ai cũng biết, đó là mọi thứ trên đời đều rỗng tuếch, tạm bợ, không có gì chắc thật. Nhưng có một điều mà ai cũng dễ mắc phải sai lầm, là thàm chấp cho nó là thật và lao theo. Để rồi, hằng ngày quên soi sáng lại chính mình, chỉ thấy biết theo

ngoại duyên, đả nhiễm, dính kẹt và phải trả giá khổ đau trong ân hận, tức tưởi, không đáng có.

3. CÔNG PHU TU TẬP CHỈ TRONG TÂM THỂ NHÌN.

Ví dụ đến phiên được nhập thất chuyên tu, huynh A rất trân quý. Ngõi thất nằm trong vườn cây ăn trái, cạnh hầm phân. Quý thầy Tri Viên đem phân cá về hôi thối nồng nặc, đến nỗi nhức đầu. Chưa hết, huynh đệ đi làm vườn, cuốc đất, trao đổi công việc... làm động khu thiên thất, không được yên tĩnh. Trong thất, huynh A sẽ thế nào?

3.1. Nhìn theo khuôn phép để trách cứ hoàn cảnh, mọi người.

Nếu thế, huynh A sẽ làm nhảm một mình. Tại sao khu thiên thất mà Thầy Tri Viên lại đem phân về hôi hám ô nhiễm như thế làm sao tu? Vì sao những người làm vườn lại nói chuyện ồn ào tại khu thiên thất một cách vô ý thức như thế. Tại sao lại làm ồn ào trong khu vực chuyên tu... Kết quả tăng thêm căng thẳng, không thể công phu. Đó là do bất giác, sai từ khởi điểm của cái nhìn ban đầu, quên soi sáng lại mình mà chiếu theo hoàn cảnh bên ngoài, do đó gặt lấy kết quả là phiền não tội độ, mất tu. Người khác sai thì có thể đã sai. Nhưng cuộc đời còn đó vô vàn ngang trái, không chịu lòng người. Mong hoàn cảnh theo như ý mình, chưa bao giờ là người thông minh cả. Có khi chính cái nhìn này tự giết chết đời mình. Đang sống

mà bị bắt đắc chí, bất mãn, trách cứ, thấy cả bầu trời toàn u ám. Sống mà không được sống phút nào.

3.2. Nhìn lại sự yếu kém của mình và tôn trọng đại chúng, người khác.

Khi vừa bắt giác, trong lòng thấy phiền những cảnh duyên kia, huynh A liền nhận ra mình đã quá yếu kém. Ở trong thất đang là điều kiện tốt nhất cho việc hạ thủ công phu tu tập. Hơn nữa hiện tại mình đang khỏe mạnh, tất cả đều tối ưu nhất. Đối với một duyên nhỏ như thế, mình vẫn còn có quyền được lựa chọn “không thêm để ý” và tu tập được. Nhưng ngược lại, mình không chịu nổi, phiền muộn, bực bội, trách cứ, đánh mất công phu. Nếu thế, trong vòng luân hồi sanh tử sẽ còn nhiều điều mãnh liệt và dai dẳng hơn, không ai lường trước để được lựa chọn. Khi ấy, lực mình không đủ, sức khỏe và điều kiện để tu tập không như hiện nay, chúng ta sẽ đối trước sanh tử như thế nào? Có nguy hiểm hay không? Tự nhắc thức, phản quan lại chính mình để tiếp tục công phu, tâm sẽ lắng đọng, an vui. Nghe đại chúng trao đổi công việc và lao tác ngoài kia, chúng ta cảm thấy áy náy, hổ thẹn. Mình được ngồi yên trong mát để tu tập, huynh đệ phải thay mình lao tác vất vả. Tâm tâm niệm niệm đầy lòng tri ân, chúng ta sẽ nỗ lực công phu tinh tấn và miên mật hơn để được tiến bộ, xứng đáng với những gì Thầy Tổ và huynh đệ đã hy sinh cho mình.

3.3. Sống thẳng tưng tâm, tất cả liền vắng bật, bình thường.

Người trong thất không dính đến chuyện ngoài thất. Đối trước tất cả, huynh A không sanh khởi gì. Chỉ bình thường, an nhiên, tọa thiền. Tất cả tiếng nói, mùi hôi đều trở nên trong lặng, không ngoài bản tâm vô tướng, thanh thang, sáng biết, ngập tràn lạc an. Âm thanh ngoài kia có còn hay không, cũng chỉ như tiếng gió thoảng, chim hót, lá đong đưa, giọt sương còn đọng hay đã tan biến... Tất cả chỉ là sự hiện hữu trong tự tánh chánh định chính mình, chỉ là bình thường, chưa từng sanh diệt. Lòng tràn hoan hỷ, sự lý viên dung, bi trí vẹn toàn, lòng người chan hòa, thanh thoát biết mấy! Không thích hơn sao!

4. ĐỨNG Ở Đâu, NHẢM CHỖ Nào ĐỂ THẤY?

Cùng một tình huống nhập thất như trên, nhưng tại sao có người bị phiền não, có người thì vẫn thanh tịnh? Hoặc với huynh A, trước đó thì thấy phiền não, sau đó lại được thanh tịnh?

Nếu mê, nhìn trên sự tướng bên ngoài mà đánh mất chính mình thì bị ngoại duyên chi phối, khiến cho phiền não, mất công phu. Lúc này đem khuôn phép là Khu thiền thất phải yên tĩnh để đối chiếu với tình huống đang xảy ra và bắt lỗi huynh đệ đang làm việc. Dù khuôn phép ấy là đúng, nhưng chúng ta lại bị sai trong cách nhìn cho nên mang lại phiền não, không như khuôn phép mong muốn. Chỉ giỏi “cố định phải như thế” mà chưa giỏi “linh động, không nhất thiết phải như thế mà vẫn tu được”. Bị cái chấp cột cứng, không thể chuyển được cảnh động thành thanh tịnh

bằng công phu chính mình. Đây là chúng ta đã đánh mất đi một cơ hội vàng hiếm có để tự mình trải nghiệm công phu. Hoàn cảnh vô tình đưa đẩy trong bất ngờ mới là trận chiến thật. Còn lại, tất cả những tính toán trước hoặc đã bày sẵn đều là sự giả lập trong tâm tưởng mình. Trận chiến thật mới biết nội lực mình đã mạnh hay còn yếu. Trận chiến giả định thì có thắng hay bại gì cũng chỉ là huyền giả mà thôi. Tai hại không chỉ dừng ngang đó. Người thấy biết trách cứ như vậy còn bị tổn đức, các chướng ngại tự sanh, làm ảnh hưởng lớn đến đời sống và công phu tu tập.

Nếu biết soi lại mình, sống bằng tự tánh sáng ngời để thấy biết thì mọi việc đang diễn tiến mà vẫn đang trong lặng, như như. Trí lực này sẽ giúp chúng ta làm chủ bản thân, đồng thời khéo uyển chuyển, tùy duyên, không có gì dễ dàng làm chướng ngại mình được.

5. KẾT LUẬN.

Giữa phố thị, nếu phiền não với dòng người, xe cộ thì lên núi rừng sẽ bực bội với vượn hú, chim kêu. Tìm đâu cho ổn nếu không phải là tâm mình. Còn nhớ Tiên non Uất-đầu-lam-phát từng ngồi tu luyện trong rừng, nghe chim réo gọi khiến mất công phu. Bực tức quá, thệ nguyện kiếp sau sẽ sanh làm loài chồn bay để ăn hết chim muông cho hả giận. Thế rồi như lời nguyện ước, hết kiếp, hóa làm chồn bay, ăn giết vô số chim chóc, tạo nghiệp rồi sau đó đọa vào địa ngục. Phải chịu vô vàn hành hình khổ sở, chỉ do phân tâm

chi phối bởi tiếng chim ríu rít vốn vô tình. Cũng bởi cái nhìn chưa chuẩn, chứ nào ai muốn?

Đối trước tất cả mọi tình huống, hoàn cảnh... nếu thấy còn phiền lòng thì biết trí lực của mình chưa đủ mạnh, cái nhìn chưa đầy đủ, lý sự chưa dung thông, còn bị thiên lệch, dễ rơi vào cố chấp, sanh các chướng ngại cho việc thực hành công phu. Chỉ cần đổi lại cái nhìn thì mọi việc đều được hanh thông, nhẹ nhàng, việc tu hành của chúng ta sẽ được tiến bộ, không khó.

CUỘC SỐNG VÀ CÔNG VIỆC

Thế gian là một sự vận hành chuyển động liên tục. Mỗi người có một cuộc sống riêng không ai giống ai, do đó sự vận hành cũng phong phú, đa dạng. Nhưng chung quy lại không ra ngoài hai phạm trù chính, đó là cuộc sống và công việc phục vụ cho cuộc sống ấy.

1. XÁC ĐỊNH CUỘC SỐNG VÀ CÔNG VIỆC.

1.1. Thế gian.

Cuộc sống là những sinh hoạt mà mỗi người yêu thích. Như nghỉ ngơi, mua sắm, đi du lịch, sống bên gia đình, bên cạnh những người thân... Mọi người thường gọi là được sống với những gì mình ưa thích.

Công việc là những việc bắt buộc phải làm để mưu sinh, duy trì cuộc sống. Cụ thể là phải đi làm các công việc để có kinh tế, phương tiện nuôi sống bản thân và gia đình.

1.2. Trong đạo.

Cuộc sống là việc chính của sự tu hành mà mỗi hành giả cho là lý tưởng. Như là có thời gian để thỏa thích đọc học Kinh Luận, tụng kinh, tọa thiền, đi kinh hành nhẹ nhàng thanh tịnh...

Công việc là những việc phải làm trong tự viện để duy trì sinh hoạt đời sống tu hành chung. Điển hình như phải lo việc Phật sự đối nội, đối ngoại, chấp tác...

2. NHÌN NHẬN CUỘC SỐNG VÀ CÔNG VIỆC.

Ở thế gian, mọi người đi làm thường mong tan sở để về với gia đình, đi mua sắm... Hoặc thường trông đến ngày nghỉ lễ để được đi du lịch... Trong Chùa, vào những ngày được nghỉ lao tác để chuyên tu thì cảm thấy mãn ý, an lạc. Thường ngày thì tranh thủ làm lao tác thật nhanh cho gọn việc để có thời gian đọc sách, tọa thiền...

Những mong mỏi ấy là chính đáng, không lỗi, nhưng có sai lầm trong cách nhìn nhận giữa công việc và cuộc sống. Cụ thể, nhìn nhận như thế là đã tách công việc và cuộc sống ra làm hai. Khi làm việc là lúc không được sống. Hơn nữa, vừa làm việc vừa mong hết giờ, đó là đã muốn giết chết thời gian, là tự giết chết cuộc sống của mình ngay lúc đó. Một ngày đêm 24 tiếng, có 8 tiếng đồng hồ làm việc đã bị giết chết, đồng nghĩa chúng ta đã tự giết chết sự sống của mình một phần ba của một ngày. Cộng lại một đời, chúng ta đã đánh mất đi một phần ba sự sống.

Có trông mong hay không thì hết giờ mới được tan sở. Trông mong cũng không về sớm hơn được. Thay vì mong ngóng, chúng ta nên tìm niềm vui ngay chỗ mình đang làm việc thì sẽ được sống ngay thời khắc ấy. Với người tu hành, không phải đợi đến khi tọa thiền mới tu mà ngay trên các sinh hoạt, khéo an tĩnh, giác sáng thì khi đang làm việc cũng là lúc chúng ta tu hành. Ngồi tu trong cảnh tịnh sẽ phát huy nội lực mạnh hơn, giúp cho hành giả dễ an định. Nhưng nếu

chỉ có thể thì việc tu còn khiêm nhường, ít quá. Khi đi chấp tác, làm việc không tu được hay sao? Nếu hành giả khéo dụng công trên cảnh động nữa sẽ thấy sự tiến bộ rất rõ, diệu dụng phát huy đặc biệt đến bất ngờ. Mới hay ra, đạo không phải cố định ở một nơi nào đó mà thâm thang, trùm khắp.

3. KHÉO SẮP XẾP CÔNG VIỆC ĐỂ ĐƯỢC SỐNG.

3.1. Nhân.

Mọi người thường than vãn vì bận bịu với công việc quá cho nên không có thời gian sống cho mình. Lúc bé lam lũ, cơ cực, vất vả giúp đỡ công việc bố mẹ cho nên tôi không có tuổi thơ. Thêm có được điều kiện sống khá hơn để ít việc, có thời gian nhiều hơn cho cuộc sống nhàn hạ, thanh thoi. Nhưng ở chiều ngược lại, có rất nhiều người không việc, dư thời gian thì thấy chán, vẫn không được nhàn. Vậy, phải như thế nào mới được nhàn? Là không việc, ít việc mà được nhàn? Hay nhiều việc mà vẫn an nhàn?

Nếu ít việc, không việc thì ai lo cho bản thân và gia đình mình? Chúng ta không thể sống như người bệnh trong khi mình đang khỏe mạnh để người khác lo cho mình một cách vô trách nhiệm với cuộc sống. Hơn nữa, những ngày được giãn cách xã hội, ở nhà có nhiều thời gian rảnh rỗi, nhưng có được nhàn rồi hay không? Chưa hẳn có nhiều thời gian đã được nhàn. Thực tế là rất nhiều người mong ngóng dỡ bỏ lệnh giãn cách. Vừa được nói lỏng thì vé máy bay bán hết

rất nhanh, nhiều nơi công cộng đông nghịt người... Nếu những ngày qua ở nhà được nhàn thì tại sao khi vừa nói lỏng lệnh giãn cách, mọi người lại túa ra ngoài một cách ồ ạt phần khởi như vậy? Có người cho rằng vì công việc làm ăn, đây là lý do chính đáng. Nhưng những chỗ đông người lại là những điểm giải trí, du lịch chứ không phải ai cũng vì kế sinh nhai. Hoặc theo thống kê cho thấy, những ngày ở nhà rảnh rỗi thì chỉ số ly hôn rất cao. Ở Nhật Bản lại có cả những nơi đầy đủ tiện nghi dành cho những gia đình nào căng thẳng, một trong hai người tách riêng ra đến đây trú ngụ, lần tránh để khỏi đưa đến hậu quả tệ hại, đổ vỡ. Cho thấy, có nhiều thời gian rảnh rỗi chưa chắc đã nhàn.

Nếu cho rằng có việc mà vẫn nhàn thì phải làm sao để được nhàn? Bởi có nhiều người than vãn vì công việc mà tôi không được nhàn.

Tóm lại, chưa làm chủ thân tâm thì sống trong hoàn cảnh thế nào con người cũng khó thỏa mãn, dễ sanh nhàm chán. Chúng ta sẽ thực sự nhàn khi thân tâm đã lắng đọng, thanh tịnh, tự chủ. Nói là không việc hay có việc đều chưa rời công việc để nói, là đã can thiệp trên việc, tức đã quên mình theo vật, là đã bị rộn ràng rồi, không thể nhàn được. Muốn được an nhàn thì chỉ có hai khả năng: một là có đạo lực, trí tuệ bất động mà linh thông thì tự nhàn. Hai là bình tĩnh, dứt khoát, khéo léo sắp xếp công việc một cách có khoa học, như thế sẽ được an nhàn trong cuộc sống, được sống.

3.2. Để được an nhàn, được sống.

a) Có đạo lực và trí tuệ thì tự nhàn.

Muốn có đạo lực và trí tuệ chân thật bất động mà linh thông để thực sự được an nhàn thì phải quyết chí hạ thủ công phu tu tập. Đây là việc làm chính, cốt lõi, mang tính lâu dài để đạt đến sự an nhàn một cách tuyệt đối, đúng nghĩa, tâm ta tự nhàn.

b) Bình tĩnh, dứt khoát, khéo léo sắp xếp công việc một cách có khoa học.

Muốn thế, chúng ta phải luôn bình tâm tĩnh trí trước mọi công việc, hoàn cảnh, tình huống. Ngay trên mọi hoàn cảnh, luôn giác sáng, không mê mờ. Luôn có một tư thái uyển chuyển, nhưng dứt khoát để tâm mạnh mẽ. Khéo léo sắp xếp công việc, biết tranh thủ thì sẽ có thời gian. Chúng ta vẫn thường nghe nói: *“Khi không thích thì con người tìm lý do, viện cớ. Khi thích thì sẽ tìm cơ hội, thời gian”*. Hơn cả thích là sự quyết tâm. Nếu có quyết tâm, biết tranh thủ thì nhất định sẽ có thời gian để chúng ta tĩnh tâm, thư giãn.

Thêm nữa, đừng đánh mất thời gian sống của mình. Trước một dòng người đang xếp hàng chờ mình giải quyết, chúng ta chỉ sắp xếp công việc với người đang đối diện rồi đến người khác, không sanh tâm bực bội hoặc lo ra. Bởi không ai một mình có thể làm hết tất cả các công việc của nhân loại. Hơn nữa, trước hàng người đông đúc, ồn ào, có khi quý vị không chịu giải quyết người trước mắt mà lại tranh thủ phân bua với người từ xa. Nếu là người khéo sống, chỉ hết lòng

với mọi người, tận tụy với công việc và giải quyết công việc nhanh nhất có thể đối với người đến trước, lần lượt đến người tiếp theo. Không nên vì bực dọc rồi dừng việc lại để đối thoại với người chưa đến lượt, sẽ mất thời gian, công việc không hiệu quả, có hại cho bản thân và những người liên đới.

Với người tu, khéo điều chỉnh giữa lúc chuyển đổi trạng thái từ cảnh động (làm việc, lo tổ chức) sang cảnh tĩnh (học, tọa thiền) thì lúc nào cũng nhàn và tu tập được. Cụ thể, thông thường khi đang làm việc hăng hái thì vào ngồi học hoặc ngồi thiền, chúng ta có cảm giác chưa sẵn sàng, hơi ngán. Ngược lại, vị nào giỏi ngồi học và ngồi thiền thì lười biếng làm công việc. Cho rằng vào chùa để tu chứ không phải đi làm như công nhân bốc vác. Không biết rằng, làm lao tác là một sự rèn luyện cần thiết của hành giả. Đây là yếu huyệt. Là hành giả một lòng vì đạo, muốn tu tập tiến bộ đích thực, chúng ta nên điều chỉnh tâm thái này. Khi ngồi thiền, đọc học kinh luận và chấp tác, tâm này vẫn lặng sáng đúng như chính nó, không đổi khác.

Thêm một điểm nữa, khi đang ngồi học hoặc tọa thiền tỉnh giác, lặng sáng. Hết giờ, đứng dậy đi làm công việc, chúng ta thường bỏ sót, bất giác ngay khoảnh khắc từ ngồi thanh tịnh chuyển sang sinh hoạt vận động ấy. Trong thoạt chốc đó, nếu hành giả không khéo dụng công sẽ rất dễ bỏ sót và bị quên tâm ngay lúc chuyển đổi trạng thái. Chính vì lý do này cho nên khi đang ngồi học thì tỉnh giác, nhưng vừa đứng dậy đi làm công việc thì liền bị rộn ràng, mất tự chủ. Vào

thiên đường thì tâm thể rạng ngời, thanh thoát. Bước ra khỏi nơi tu tập thì bị vọng động kéo lôi. Nếu khéo chỉnh tâm để công phu miên mật thì sẽ được tiến bộ, đắc lực, cho hành giả tự tại, an nhàn.

4. ĐỀ PHÒNG NHỮNG THÓI QUEN PHƯƠNG HẠI VỀ SAU.

4.1. Lúc trẻ có thói quen gì, về già sẽ hiện ra một cách lẩm cẩm như thế.

Hôm nay có thói quen xét nét người khác, mai kia già không còn khả năng gì, nhưng lại hay soi mói thiên hạ khiến họ ghét. Lúc trẻ hay nói sủa lưng mọi người, gặp cái gì cũng nói, mai này già sẽ tự cảm râm, lảm nhảm một mình vô cớ. Bây giờ thích ôn chuyện quá khứ, khi già sẽ nói mãi chuyện đời xưa. Cuộc sống thường ghét, không thích hay tâm đắc một điều gì, khi già sẽ nhắc lại mãi đến độ nói lặp. Nếu sống ưa lo ra thì về già bị cái tật lo lắng thừa thãi và tự khổ một mình. Nếu sống quá kỹ lưỡng, khúc chiết, chi ly đến nỗi chấp vào sự tương quá mức thì về già sẽ lọ mọ xếp báo cũ, bì ny-lon... hoặc khó bằng lòng người khác. Đó chỉ là những ví dụ điển hình. Còn nhiều nữa, mỗi vị nếu tự soi xét lại bản thân sẽ nhận ra. Nếu thấy mình còn tồn tại điều gì chưa ổn thì nên kịp thời chỉnh sửa lại để không phương hại đến mai sau.

4.2. Tỉnh giác, soi xét kỹ để sửa đổi. Không để thói quen, tập khí chi phối, phương hại sau này (Khi già và kiếp sau).

Trải qua mấy dặm thương trường,

Cuộc vui tao ngộ cuộc vương đọa đày.

Cuộc sống là một sự vận hành chuyển động liên tục. Ai cũng có những sinh hoạt và công việc nhất định. Trong những sinh hoạt và công việc hằng ngày đó, chúng ta phải khéo léo dừng để nó chi phối, tạo thành vết hằn, gây hại về sau.

Không để những sinh hoạt nơi công sở, công việc ngoài chợ hoặc phố phường khiến mình bức dọc rồi về nhà trút giận lên người thân. Không để cho nắng hạn mưa dông, trái nắng trở trời, được mùa mất giá... làm cho chúng ta khó chịu để rồi phải trở thành một người bần hãn bó hó khó ai ưa... Nếu không biết bình tâm tĩnh trí để đối diện với cuộc sống; không khéo cân bằng, chuyển hóa, bớt dính mắc trên mọi tình huống, hoàn cảnh thì cái gì cũng làm cho chúng ta bức bối được. Lâu ngày như thế sẽ tạo thành thói quen hoặc cái tật không tốt, ảnh hưởng xấu đến bản thân và nhiều người khác.

Với người tu, nếu không khéo giác sáng mà bỏ quên tự tánh, sống theo công việc thì suốt đời tu hành chỉ là một sự tạo tác, thành nghiệp để phải bị bồi hồi, hoang mang, bất ổn khi già.

5. SỐNG CÓ ĐẠO, KHÔNG THUẬN TÌNH NGƯỜI.

5.1. Sống bằng nhiệt huyết và trí tuệ, không theo cảm xúc.

a) Nếu sống bằng cảm xúc, tình cảm.

Không xác định hướng đi, chỉ có thích thì làm. Hoặc xác định hướng đi theo sở thích, cảm xúc, cảm tính không rõ ràng. Hay việc ấy thích thì tôi mới làm, và chán thì tôi mới buông bỏ được. Tất cả những gì được quyết định, làm việc qua cảm nhận, cảm tính, cảm xúc... đều là lối vào đời bằng tình cảm, cảm xúc. Người sống bằng cảm xúc, tình cảm thái quá sẽ thiếu trí tuệ và chí khí mạnh mẽ, dứt khoát, sẽ rất khổ bởi trăm mối tơ lòng, khó làm nên chuyện lớn cho đời.

Đến chùa mà quý thầy không đón tiếp thì anh A bảo, thầy tu hành mà tiêu cực, vô cảm, không nghĩ đến người khác. Khi quý thầy tiếp anh A thì nhiều người khác cũng đến và muốn được gặp. Sau khi đàm đạo, ai cũng khuyên thầy nên bớt tiếp khách để giữ gìn sức khỏe. Chính quý vị muốn gặp, không cho gặp thì phiền, nhưng cũng chính quý vị ấy khuyên thầy nên bớt lại, đừng tiếp khách nhiều ảnh hưởng sức khỏe. Phải làm sao? Có nhiều vị tư vấn, thầy nên có sự lựa chọn, giới hạn lượng khách, để còn dành thời gian tu hành. Nhưng rồi lại có nhiều người khác nói, thầy tu hành mà còn thiên vị, tiếp người này, bỏ người kia. Nếu nói khéo là thầy đang bận hoặc vì lý do gì đó thì mọi người lại nói, thầy tu hành mà còn nói khéo như thế thì có khác gì dối lòng với người khác. Quý thầy thật thà, làm vừa lòng, bình đẳng hết với tất cả mọi người, ai đến cũng tiếp thì lại bị mọi người chê bai, Thầy tu kiêu gì mà ngồi tiếp khách suốt cả ngày, còn đâu thời gian để tu hành... Vậy thì quý thầy phải làm sao mới phải?

Đây là ví dụ điển hình cho lối sống theo cảm xúc, sống vì người khác một cách thái quá, đã vô tình đánh mất chính mình. Ngoài đời còn nhiều tình huống khó xử hơn nữa. Nếu sống theo cảm xúc, tình cảm thì không bao giờ có hướng xử lý trọn vẹn được. Kết quả là không những không thể làm thỏa mãn người khác mà với mình cũng không làm nên được gì.

Trong cuộc sống, có người trải qua một vài tai nạn khiến họ thiếu niềm tin với cuộc đời, từ đó dễ nghi ngờ mọi chuyện, lòng khép lại và sống vị kỷ, khép kín. Cho đến gần cuối đời mới nhận ra đã sống dối lòng với mọi người và bản thân. Quãng đời sống qua đã gây ra nhiều lỗi lầm tai hại cho mình và mọi người bởi cách sống vị kỷ, khép mình ấy. Một người khác thì quên mình mà sống vì mọi người. Cuối cùng lại nhận ra là đã đánh mất chính mình và làm hư hỏng nhiều người khác bởi lòng tốt thái quá và thiếu trí tuệ. Sống vị kỷ cũng làm khổ cho mình và người. Sống hết mình cũng chưa khỏi mọi họa ương, có khi không làm cho ai thực sự được an vui hạnh phúc. Vị kỷ hay vì người đều nhằm trên cảm xúc, tình cảm để hành xử. Mới biết, sống theo tình cảm, cảm xúc thì khó ổn. Chúng ta cần phải sống bằng nhiệt huyết và trí tuệ, bằng lòng từ bi quan tâm đến người khác một cách có trí tuệ thì sẽ tốt cho mình và mọi người.

Khi chuẩn bị thực hiện một dự án lớn hợp ý mình, chúng ta rất phấn khởi. Khi đi vào thực hiện, gặp nhiều khó khăn vất vả không còn vui nổi, khiến người mệt mỏi, không thể chịu được, con người sẽ

bất lực, bỏ cuộc. Nhưng hoàn cảnh không cho phép. Nếu bỏ cuộc sẽ bị nhiều liên lụy, bắt buộc phải có trách nhiệm tiếp tục công việc, thì lại là làm được. Cho thấy, bắt đầu công việc bằng cảm xúc thích thú thì ý chí nhỏ bé, gặp khó không vượt qua được. Nhưng nếu bằng trách nhiệm, nhiệt huyết, trí tuệ thì bản lĩnh lớn hơn, khó mấy cũng không có quyền bỏ cuộc, và vượt qua.

b) Sống bằng nhiệt huyết và trí tuệ.

Con người đi vào đời bằng nhiệt huyết và trí tuệ, người này đã xác định tầm nhìn và hướng đi chuyên nghiệp, rõ ràng. Tĩnh lặng để thấy ra vấn đề một cách trọn vẹn và đầy đủ nhất, không để cảm xúc, con tim chi phối. Không phải tôi làm theo sở thích mà phải xác định việc ấy cần làm thì mình phải có trách nhiệm thực hiện. Điều vô nghĩa, phi đạo đức thì dù có hấp dẫn đến đâu vẫn thấy nó là không cần thiết. Suy nghĩ và hành động bỏ ngoài cảm xúc của thích và không thích mà phải xác định sự cần thiết cho đạo, cho đời.

Tôi đến chùa, đằng sau những ấn tượng thanh thoát ấy còn gì nữa, hay chỉ có thế? Không vội phán đoán mọi việc qua bản ngã nhỏ nhoi thấp hèn. Bỏ ngoài những cá nhân hoặc chi tiết đã khiến mình hài lòng hay khó chịu. Đừng mong quý thầy làm hài lòng mình, bởi như thế thầy sẽ thuận theo phàm tình của chúng sanh, chúng ta mất cơ hội học đạo giác ngộ giải thoát. Không mong huynh đệ cùng tu phải tốt với mình, nếu vậy sẽ khiến cho bản thân yếu hèn. Cần có

một chút cầu thị, chịu khó và nỗ lực rèn luyện để tìm tòi bằng nhiệt huyết và trí tuệ, chúng ta mới có cơ hội học hỏi Phật pháp, nhận ra trí tuệ Phật. Đây là yếu tố tiên quyết để giúp con người miễn nhiễm, đạt được an lạc giải thoát thực sự, chứ không chỉ nằm trên khẩu hiệu hoặc lý thuyết suông.

c) Cảm nhận giá trị.

Ngày Tết, Thiên viện có được một số kinh sách do Phật tử ấn tống để biếu tặng du khách lễ Phật đầu năm. Xem qua, cảm kích nhiều giá trị từ cuốn sách mang lại, có vị khách hỏi thăm về việc tặng sách miễn phí, một Thầy đáp: “Ở chùa là thế mà, chỉ cho đi chứ không nhận lại... Khách thỉnh hết rồi thì chúng tôi tiếp tục mang ra thêm, cho đến hết sách thì thôi”. *(Trích từ bài viết “Lên cõi thiên... thỉnh sách” của Nhật Lam, www.motthegioi.vn).* Câu trả lời không sai với tinh thần vô ngã vị tha của nhà Phật. Nhưng lại là cách trả lời của người đang ở mức cảm nhận đạo Phật qua cảm khái, qua lòng từ bi chứ chưa ngộ sâu trí tuệ mà đức Phật muốn chỉ. Nếu là người khởi đầu và luôn sống bằng nhiệt huyết và trí tuệ, sẽ có câu trả lời khác: “Từ bản thân mình đã từng trải qua, chúng tôi nhận thấy con người khổ là do mê lầm, chưa nhận ra lẽ thật. Có khi chỉ vì một điều rất bé nhỏ, nhưng trong nhất thời chưa kịp tỉnh ra cho nên trong lòng u uẩn, phải chịu khổ đau không đáng có. Trong những tập sách này là những gợi ý hoặc chỉ ra nhiều điều. Nếu ai hữu duyên đọc được, trúng chỗ mình đang vướng kẹt, bầu trời u ám được vén lên, mọi sai lầm tiêu tan, hết khổ.

Cảm từ giá trị đó, cho nên chúng tôi cố gắng làm hết sức trong khả năng mình có được”. Cách trả lời có khác, bởi nó mang hơi hướm, mùi vị của trí tuệ thấy ra giá trị của vấn đề và lòng nhiệt huyết muốn mọi người cùng được thừa hưởng. Chỉ là một ví dụ nhỏ, nhưng đã thấy sự khác biệt rõ nét giữa trí tuệ và cảm xúc. Huống nữa cả một đời, nếu sống bằng nhiệt huyết và trí tuệ sẽ cảm nhận được nhiều giá trị đặc biệt đến dường nào!

5.2. Có đạo, không thuận tình người.

Tướng quốc Đỗ Hồng Tiêm soạn được vài chương số giải về Luận Đại Thừa Khởi Tín, đến hỏi Thiền sư Vô Trụ, có thể được gọi là xứng hợp Phật pháp chăng? Sư dẫn một đoạn trong luận ấy và bảo: *“Tướng quân số giải là kẹt nơi tướng ngôn thuyết, kẹt nơi tướng danh tự, kẹt nơi tướng tâm duyên. Đã kẹt nơi mỗi mỗi tướng, sao được gọi là Phật pháp?”*.

Tướng Công đánh lễ và thưa: *“Đệ tử cũng từng hỏi các vị Đại đức trong Triều, đều khen đệ tử là chẳng thể nghĩ bàn. Phải biết những vị ấy chỉ thuận theo tình người. Nay Thầy theo lý mà giải nói hợp với pháp tâm địa, đúng thật là chân lý chẳng thể nghĩ bàn”*.

Khen sai là giặc, bởi khiến cho chúng ta làm tướng mình hay thật rồi ngủ quên trong mê lầm. Chê đúng là thầy, vì dám chỉ thẳng những chỗ còn khiếm khuyết để mình có cơ hội sửa đổi, vươn lên. Cho thấy, nếu thuận tình người thì chỉ có khả năng làm vừa lòng

người khác, là được phàm tình, nhưng mất đạo. Nên sống có đạo thì mới cứu được mình và nhiều người được giác ngộ giải thoát. Thuận theo tình người thì chỉ làm khổ cả hai.

Với người tu hành thì việc này lại cần phải nghiêm túc hơn. Trong kinh Di Giáo, đức Phật dạy: *“Những việc như luyện chú thuật, thuốc tiên; giao hảo với người sang trọng, khinh thường kẻ thân cận gần gũi đều không nên làm. Phải tự mình luôn giữ chánh niệm, tâm ngay thẳng cầu thoát sanh tử”*.

Phân đông con người thường có tính hiếu kỳ do đó thích những gì huyền hoặc hơn là thực tế. Đồng thời có tật lười biếng nên muốn có phép màu để giải quyết mọi chuyện cho khỏe, hơn là vận động tự thân. Những việc luyện chú thuật, thuốc tiên sẽ khiến cho nhiều người cảm thấy hấp dẫn, ưa thích. Nhưng những việc ấy chỉ làm huyền hoặc, mê lầm người, không giải quyết được tận gốc khổ. Do đó, đức Phật khuyên người xuất gia không nên thuận theo tình người để làm những việc như thế. Phải sống có đạo. Cụ thể Phật dạy, không nên giao hảo với người sang trọng, khinh thường kẻ thân cận gần gũi. Nghĩa là không nên tham đắm chức quyền, danh vọng, địa vị, tài sản để tìm đến giao hảo nịnh nọt với người giàu sang, quyền lực, lấy đó làm thế mạnh rồi trở về ngã mạn, khinh thường chúng Tăng. Phật dạy phải nên tự mình luôn giữ chánh niệm, tâm ngay thẳng cầu thoát sanh tử. Trước lúc sắp vào Niết-bàn, đức Phật vẫn còn đỉnh ninh căn dặn đệ tử những điều thiết yếu như thế.

Mới thấy, việc sống có đạo, không thuận tình người quan trọng đến mức nào.

6. KHÔNG KỆT TRÊN TƯỞNG.

Nguyên soái Lý Thất Ca hỏi Đại sĩ Hải Vân:

- Ông đã làm tăng, vậy thuộc thiên hay giáo?

Sư đáp:

- Thiên và giáo là lông và cánh của tăng, như đất nước dùng người phải gồm cả văn và võ.

Lý Thất Ca nói:

- Đúng rồi, nhưng ông theo bên nào?

Sư nói:

- Chẳng theo cả hai.

Lý Thất Ca hỏi tiếp:

- Vậy ông là gì?

Sư nói:

- Thầy chùa.

Mới vào đạo, trước tiên cần học thông Kinh, Luật, Luận để ứng dụng vào đời sống tu hành. Nếu không học hiểu để thấu suốt lời Phật, ý Tổ thì nương vào đâu để tu tập? Tu như thế chỉ là tu mù, rất dễ bị sai lạc. Nếu không tham thiền, làm sao đạt định, phát huy trí tuệ vô lậu, được tự tại giải thoát? Cho nên Thiền và giáo là điều kiện cần và đủ để hành giả tu hành đạt đến giác ngộ, giải thoát. Học giáo để thông

lý, tham thiên để ngộ tâm; nói theo giai thoại trên, tất cả để làm nên một vị Thầy chùa (tu sĩ đạo Phật).

Khi đạt đến rốt ráo viên mãn, đạt đến chỗ cốt lõi chính yếu mà thiên và giáo muốn chỉ thì không còn kẹt trên tướng ngôn thuyết của giáo, không trệ nơi cơ của thiên. Thiên và giáo đã làm nên một vị Thầy chùa đúng nghĩa, thực sự.

Lúc này từ tâm tánh, hành giả hay tùy cơ lưu xuất cơ thiên để khai thị thiên giả, tùy thời thuyết giáo để hóa độ chúng sanh. Và vị Thầy chùa lúc này đã đạt đến rốt ráo viên mãn trọn vẹn. Mất hút các tướng, trở lại như xưa, tất cả đều như cũ mà hay linh hoạt, tự tại, tươi mới. Đến đây mới thừa đương được việc lớn của Phật Tổ, đem ánh sáng Phật pháp soi rọi vào đời để cứu khổ, ban vui cho tất cả chúng sanh. Đạt đến rốt ráo viên mãn như thế là do sự lý dung thông, không kẹt trên bất kỳ hình tướng nào dù đó là tướng của pháp, của thiên hay là một sự chứng đắc trong công phu tu tập.

7. TẤT CẢ HIỆN THÀNH.

Thiền sư Văn Ích Pháp Nhãn trình kiến giải, nói đạo lý hơn một tháng, nhưng vẫn bị Thiền sư Quế Sâm bảo:

- Phật pháp không phải thế ấy.

Cuối cùng, Sư thưa:

- Con đã hết lời cùng lý rồi.

Quế Sâm bảo:

- Nếu luận Phật pháp thì tất cả hiện thành.

Qua câu nói ấy, Sư liền đại ngộ.

Bật cả tâm và cảnh, thể và dụng, sự và lý... Lúc này chỉ là bình thường, bất động, nhưng sáng ngời, linh thông đến chủ động. Tất cả vẫn như xưa cũ mà không một vết mê, không có gì chẳng phải là Phật pháp. Do đó nói: “*Nếu luận Phật pháp thì tất cả hiện thành*”.

Có vị Tăng hỏi Thiền sư Duy Chánh:

- Thầy lấy danh là Thiền sư sao không nói thiền?

Sư đáp:

- Ngày đêm nhờ vạn tượng diễn bày mà thôi. Ngôn ngữ có gián đoạn, mà pháp này vô tận, nên gọi là Tạo hóa vô tận tạng.

Đói thì ăn, mệt thì ngủ, có việc thì làm, không việc thì cũng chỉ có thể, mất hút tướng hình. Cho đến chim hót, suối reo, mây bay, nước chảy, hoặc đến cả phố thị đông người... chỗ nào thiếu vắng Phật pháp? Sao không chịu nhận mà còn đòi nói thêm gì? Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh bảo ngài Đạo Ngô Viên Trí: “*Nói tốt lời nói cũng chỉ nói được tám phần*”, phần còn lại mỗi người phải tự nhận. Ngôn ngữ trần gian có giới hạn, pháp thật tướng này thì vô tướng, thênh thang, không ngăn mé, làm sao nói đến được.

Tạo hóa, muôn vật đã diễn bày vô tận vô biên đủ cả rồi, cho nên gọi là tạo hóa vô tận tạng.

Chư Tổ nói: “Cho đến tường vách ngói gạch, không cái gì chẳng thuyết pháp. Cho nên Linh Vân thấy hoa đào nở mà ngộ đạo; Huyền Sa bảo yến hót là bàn sâu thật tướng. Thế thì cả quả đất đều là cửa ngộ, cái gì chẳng phải đạo này?”.

Ngài Sơn Am nói: “Mới tin việc này chẳng phải ở trên lời nói. Đến như gió động, bụi dấy, chim lượn, mây bay thảy đều là chỗ đẩy người vào, nhưng tự là ngay mặt lâm qua”.

Mỗi mỗi những gì đang đối diện, quanh ta, đều đang tuyên thuyết diệu pháp. Chỉ cần nhận lại liền xong, nào có thiếu vắng bao giờ!

8. ĐỨC HẠNH VÀ TRÍ TUỆ.

Đức Phật là đáng lưỡng túc tôn, hay còn được mọi người tôn xưng là bậc phước trí nhị nghiêm, phước đức và trí tuệ tròn đủ, không thiên lệch, thiếu khuyết. Hành giả tu hành muốn thành tựu Phật đạo thì phải có trí tuệ và đức hạnh vẹn toàn.

Thông thường người hiền lành thì dễ thiên về sự, kẹt trên tướng, trí tuệ không được cao vót, dễ rơi vào các công việc. Ngược lại, người có trí tuệ thì dễ bị thiên về lý, bỏ sót các hạnh khác, dễ sanh các chướng ngại trong việc tiến đạo. Song song với những gì đã sẵn từ những đời trước, hiện tại hành giả phải cần mật

trong việc tu tập và đời sống thì mới dung thông cả hai, không bị kém khuyết.

Đôi khi sống có vẻ cao thượng, nhưng có biết huynh đệ bên cạnh đang bị khó khăn gì trong đời sống tu tập hay không. Bàn thiền nói đạo thì cao tột, nhưng có bao giờ nấu một bát cháo cho huynh đệ cùng tu đang bị ốm? Đạo nghiệp thành tựu rực rỡ, nhưng có làm được một việc bình dị, bình thường như rửa bát, quét nhà, nấu cơm... Hoặc theo chiều ngược lại, hiền lành, đức hạnh, tham gia thời khóa nghiêm túc, nhưng có cảm thông được huynh đệ nói lý mà thiếu tu hay không? Ngoan hiền, chất phát, tận tụy với tất cả các công hạnh, nhưng có mặc cảm, tự ty khi thấy mình không theo kịp huynh đệ? Và còn nhiều nữa. Tất cả đều do bị thiên lệch một phía mà có ra. Không phải là lỗi, do lực tu chưa đủ cho nên tạm thời phạm phải như vậy. Nhận ra, nỗ lực công phu thì có ngày cũng đạt đến viên dung, rốt ráo, viên mãn.

Chí khí chất ngất trời xanh, trí tuệ thấu triệt bốn tánh, nhưng đức thì khiêm cung, hạnh thì không hề trái hay bỏ một pháp lành nào. Sống, tu và hành xử như thế, lý sự dung thông, trí tuệ và đức hạnh kiêm toàn thì đạo giác ngộ mới hiển hiện, mới hay vào đời giáo hóa làm lợi ích chúng sanh.

9. KẾT LUẬN.

Cuối cùng, cuộc sống là gì, công việc là gì? Nếu còn trả lời phân hai thì chúng ta không có được một cuộc sống trọn vẹn. Phải thấy rõ, còn hít thở là còn

sống. Làm công việc phục vụ cho cuộc sống, cũng là đang sống. Cuộc sống và công việc không còn phân hai, không khác. Với người tu hành thì luôn tỉnh giác, tâm mình luôn có mặt trên mọi sinh hoạt thì sống là tu, tu là sống. Cuộc sống, công việc và sự tu hành không còn khác biệt. Chỉ một con người giác ngộ này thôi, có ai khác vào trong đó đâu mà bảo là đồng hay khác?

Dù người có căn cơ cao hay thấp, đã có cách sống, có phương pháp hành trì hay không còn nương vào bất kỳ phương pháp nào nữa, mỗi mỗi đều đã nêu khái quát. Chiếu theo những gợi ý vừa nêu trên để soi xét kiểm điểm công phu tu tập, mỗi hành giả sẽ tự nhận ra, tự sống, tự mình tu tập, thấu suốt và tự thấy ra việc của chính mình như người sáng mắt nhìn vật trong lòng bàn tay, sẽ được tiến đạo.

LỜI PHẬT CHỈ MỘT CAO THẤP TRONG CÁI NHÌN

1. LỜI PHẬT DẠY.

Xưa kia đức Phật dạy thật đơn giản, chỉ vài lời mà nhiều người tu hành được đắc đạo. Hiện nay pháp có nhiều là do cái nhìn của người tu học Phật. Một trong những bài Kinh được nhiều người quan tâm đó là Tứ Niệm Xứ. Đây có thể nói là bài Kinh đức Phật nói về phương pháp tu hành căn bản của Phật giáo nói chung và Phật giáo Nam truyền nói riêng. Nếu đọc kỹ và tóm tắt lại một cách thật ngắn gọn, chúng ta sẽ thấy tựu trung bài kinh này đức Phật chỉ nhấn mạnh các ý sau: *“Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm xứ (Thân, thọ, tâm, pháp). ... Quán thân, thọ, tâm, pháp, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời”*.

Cũng là những người đang tu học Phật, chúng ta có cách nhìn như thế nào về những lời đức Phật đã chỉ dạy để ứng dụng vào công phu tu tập, đạt đến rốt ráo viên mãn yếu diệu Ngài muốn chỉ bày cho chúng ta.

2. Ý CHỈ ĐỨC PHẬT MUỐN CHỈ DẠY CHÚNG TA ĐIỀU GÌ?

2.1. Quả Chứng: Kết quả khi đã đạt đến đích (yếu diêu) mà đức Phật muốn chỉ dạy: *Đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn.*

2.2. Phương pháp dụng công (hành trì): Đó là *Bốn Niệm xứ (Thân, thọ, tâm, pháp). ... Quán thân, thọ, tâm, pháp, vị ấy an trú chánh niệm như vậy.*

2.3. Nhằm hướng đến, đạt đến: *Với hy vọng hướng đến.*

2.4. Đích (cái ngưỡng) cần đạt đến trước tiên (NHÂN TU): *Chánh trí, chánh niệm.*

2.5. Tác dụng khi đã đạt đến đích (cái ngưỡng đầu tiên) mà đức Phật đã dạy: *Vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời.*

3. TỐI THIỂU CÓ BAO NHIÊU CÁCH NHÌN VÀ THỰC HÀNH QUA LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT?

3.1. Vừa nghe, liền nhắm ngay đến phương pháp dụng công để thực hiện, quên quan tâm đến về “Với hy vọng đạt đến” là gì.

Cụ thể, chỉ để tâm chăm chú vào một phần lời dạy của đức Phật để triển khai và thực hành công phu: “*Quán thân, thọ, tâm, pháp, vị ấy an trú chánh niệm như vậy*”; mà quên để ý đến về sau Phật muốn chỉ là gì.

3.2. Vừa nghe, liền nhắm ngay phương pháp dụng công để thực hiện, nhưng có quan tâm đến về “Vói hy vọng đạt đến” để hướng tiến tu tập. Như đi mà biết nhắm đến hướng để đi, nhưng ở đây vẫn chưa tỏ rõ (chưa tỏ sáng) đích đến.

Cụ thể là vị này cũng chăm chú vào để triển khai và thực hành công phu: “*Quán thân, thọ, tâm, pháp, vị ấy an trú chánh niệm như vậy*”. Đồng thời có để ý đến phần: “*Vói hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm*”. Nhưng vẫn chưa tỏ rõ, nhận ra: “Chánh trí, chánh niệm” một cách rỏ ráo ngay chính mình hiện nay đây là gì. Bởi nếu đã tỏ rõ, hay ra và xác quyết rõ ràng rồi thì sống ngay đó là đã đúng yếu chỉ đức Phật muốn chỉ bày, là đang tu hành. Không còn phải quán thân, thọ, tâm, pháp như người sơ cơ nữa.

3.3. Nghe lời Phật dạy, liền thấu suốt đến chỗ rỏ ráo tột cùng mà đức Phật muốn chỉ bày là gì. Chính là phần “Cái đích cần đạt đến là gì?” trong lời dạy của đức Phật.

Là người có căn cơ lanh lợi, vừa nghe lời Phật dạy, liền tỏ ngộ ngay đích mà Phật muốn chỉ bày, đó là: “*Chánh trí, chánh niệm*”. Là đã đạt đến yếu chỉ, nhận ra chỗ rỏ ráo đức Phật muốn chỉ bày cho chúng

ta hướng đến. Ngay đó là nhân tu. Sống ngay đó là chân chánh tu hành, không rơi vào tạo tác sanh diệt gì khác.

Như vậy, điều then chốt là chúng ta chỉ cần xác định để nhận ra đích đến ở đây là “**Chánh trí, chánh niệm**”, thì sẽ nhận ra được ý chỉ cốt lõi mà đức Phật muốn chỉ bày và hướng tiến cho mỗi người. Nhận ra như vậy là người khéo biết cách học Phật.

a) Chánh trí.

Đây là phần thuộc về kết quả khi hành giả đã đạt đến. Đã là kết quả thì nghĩa của nó phải rất ráo chứ không thể là những định nghĩa còn trên đường quán chiếu, dụng công. Do đó, chánh trí ở đây là trí tuệ không còn khuyết, lệch hoặc sai, mà là chỉ cho trí tuệ rất ráo chân thật.

Cụ thể, thử tạm quên thân này, tạm buông tất cả hoàn cảnh chung quanh, cho đến thử buông mọi suy nghĩ trong chốc lát. Khi tất cả đã buông sạch, lắng xuống, sạch trội không còn gì, có gió thoảng qua, chúng ta liền biết mát, nghe gọi liền dạ... Tất cả đều lặng trong và thấy nghe như nhiên, không cần có tác ý động niệm. Cái bản thể sạch trong sáng biết vô ngại này chính là trí tuệ chân thật chính mình. Bởi không phải từ ngoài mang vào và cũng không thể bỏ đi đâu được, nó luôn sẵn đó nơi mỗi chúng ta. Khi bị áp lực trong cuộc sống, căng thẳng đến nỗi không thể tiếp tục công việc. Nhưng phút chốc ngồi lại, tạm buông xuống hết tất cả, tâm liền được hồi phục, buông thư,

bắt đầu lại việc làm của mình sẽ rất hiệu quả. Chỉ mới thử trong chốc lát cũng đã cảm nhận được điều đặc biệt này. Với người tu hành đạt ngộ, sẽ cảm nhận nhiều lực dụng bất tư nghì không thể tả xiết.

Những gì buông xuống được thì đều là tạm bợ, huyễn hóa. Cái không thể nào buông, cái đó mới chính thực là mình. Khi buông xuống hết tất cả sạch sành sanh rồi, nhưng vẫn còn đây một cái sáng biết rạng ngời. Cái ấy vô tướng, không động, nhưng hằng thấy biết rành rẽ, rõ ràng, buông không được, bỏ không xong. Đó mới là cái chân thật, là thể tánh hay còn gọi là trí tuệ vô sư chính mình. Trí tuệ vô tướng sẵn tự sáng biết linh thông đến chủ động mà bất động này mới là trí tuệ rốt ráo chân thật, là Chánh trí.

b) Chánh niệm.

Nguyên văn lời đức Phật dạy: “*Quán thân, thọ, tâm, pháp, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm*”. Chúng ta thấy hai vế đức Phật nhắc đến chánh niệm: “*Vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến ..., chánh niệm*”. Thử thay đổi chữ “*Chánh niệm*” trên bằng vị trí hiện tại mình đang ngồi nghỉ, ví dụ như cái thất chẳng hạn, sẽ thấy: “*Tôi đang an trú ở trong cái thất của tôi với hy vọng mong rằng sẽ đi đến cái thất của tôi*”. Không ai nói như vậy cả. Và đối với “chánh niệm” ở đây cũng vậy. Chắc chắn không phải đức Phật nói ra với nghĩa trùng lặp vô lý như thế. Cho nên chánh niệm tuy là một từ, nhưng theo dụng

ý trong ngữ cảnh đức Phật dạy, cho chúng ta nhận ra được, nó có hai phần, mang hai ý nghĩa khác nhau.

b1) “Chánh niệm” ở phần đầu là đức Phật dạy cách tu. “*Vị ấy an trú chánh niệm như vậy*” là nói đến phương pháp dụng công, còn trong quá trình hạ thủ công phu tu tập. Do đó, chữ chánh niệm ở đây có nghĩa là tỉnh giác, không thất niệm, không bất giác.

b2) “Chánh niệm” ở phần sau (vé sau) là đức Phật nói đến kết quả sau khi thực hành công phu và đạt đến đích. Cụ thể Phật nói: “*Với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm*”. Do vậy, nghĩa của từ “Chánh niệm” ở đây sẽ là kết quả của việc dụng công từ “Chánh niệm” ở trên là tỉnh giác, không thất niệm, bất giác. Mà đạt đến rốt ráo của không thất niệm, hoàn toàn không còn bất giác, luôn luôn hằng tỉnh giác khi và chỉ khi hành giả đã đạt đến tâm thể vốn vô niệm, nhưng sáng biết rõ ràng, không rơi vào cơ lặng yên của không tịch. Cho nên, nghĩa của Chánh niệm rốt ráo ở đây là Vô niệm. Chánh niệm là vô niệm.

3.4. Tóm lại.

Ba phần cao và thấp như trên là do căn cơ của từng người học mà có ra, chứ không phải từ pháp của đức Phật. Và vì là do căn cơ của con người, có ra từ con người cho nên nó là một sự thật hiển nhiên đang hiện hữu giữa cuộc sống tu tập của nhiều người mà ai cũng có thể nhận thấy. Đồng thời căn cơ chúng sanh

có vô vàn sai biệt cho nên cách nhìn và nhận hiểu về lời Phật dạy cũng còn vô vàn khác nhau, tùy theo cái thấy sâu cạn của mỗi người. Ba cách nhìn trên chỉ là tóm tắt một cách cô đọng và ngắn gọn nhất có thể mà thôi.

4. CAO THẤP TRONG MỘT CÁCH NHÌN.

Trong Ngữ Lục Vấn Đáp Môn Hạ, vua Trần Thái Tông nói:

*Mưa xuân không cao thấp,
Cành hoa có ngắn dài.*

Mưa rơi, chỉ một mực rơi xuống đất. Nhưng cành hoa dài thì hứng được mưa ở độ cao, nhanh hơn; còn với cành hoa ngắn thì sẽ chạm được mưa ở chỗ thấp, cấp độ sẽ thấp và chậm hơn. Mưa chỉ có vậy, thấp hay cao là bởi cành hoa có ngắn và dài không đồng đều.

Cũng vậy, lời dạy đức Phật chỉ có một, nhưng do căn cơ chúng sanh có cao thấp, công phu của mỗi hành giả có sâu cạn khác nhau, cho nên cách nhìn cũng theo đó mà có cao và thấp không đồng. Ví như quán sô tức (đếm hơi thở) là pháp căn bản cho người sơ cơ mới thực hành Thiền. Cũng với hành giả mới vào Thiền, do căn cơ lanh lợi nhận ra chân tâm cho nên vị này cũng đếm và biết rõ hơi thở, nhưng không phải biết theo, biết về hơi thở như những vị khác, mà tâm tự hiện tiền. Hơi thở, thân này, các cảnh chung quanh đều trở nên trong lặng, rõ ràng, không can hệ đến nhau. Cho thấy, cùng trong một pháp quán sô tức,

nhưng cao thấp là do căn cơ mỗi người, còn pháp Phật thì vẫn vậy, vượt ngoài phân biệt phàm tình cao thấp.

5. KIỂM NGHIỆM.

5.1. Quả chứng: Kết quả khi đã đạt đến đích (yếu diệu) mà đức Phật muốn chỉ dạy:

Kết quả, đích đến đã đạt được có tác dụng đúng như yếu chỉ Phật dạy: Khi đạt đến “*Chánh trí, chánh niệm*” như vừa nêu trên, sẽ “*Đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn*”. Kiểm nghiệm cụ thể:

Đã chứng ngộ và sống bằng trí tuệ vô sư, tánh thể này vắng bật nhưng giác sáng trùm khắp. Trong ấy vốn không một vật, trong ngần, không như bọt, khiến cho hành giả tự không còn dính mắc. Tự mình thấy rõ, rất khế hợp với tính chất đức Phật đã nói: “*Đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh*”.

Sống bằng tâm thể này, bóng dáng sầu não không còn. Diệu lực của định tuệ trong tánh thể ấy khiến cho hành giả tự vượt thoát, tất cả không can hệ. Những gì có thể làm cho chúng sanh khổ ưu, lúc này không còn đủ giá trị chi phối. Bởi lực của tâm này đôi diện với bất kỳ hoàn cảnh hay tình huống nào, cũng chỉ như như, không động mà hằng sáng biết rõ ràng, không sai lầm, xen lẫn. Như thế là đã đúng với lời Phật dạy: “*Vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu*”.

Sạch hết tất cả, không còn dấu vết mà hằng sáng rõ, lặng trong. Không có tướng của tâm, không có thức phân biệt cảnh mà vẫn rõ ràng thường biết, không động. Sống trọn vẹn bằng trí tuệ rốt ráo như thế là đã đúng với lời Phật dạy: **“Thành tựu chánh trí”**.

Muốn thành tựu đạo quả Niết-bàn vô sanh thì phải bắt đầu từ nhân vô sanh để tu tập. Cần nhận ra và sống bằng bản thể vô sanh ấy thì mới có ngày chứng ngộ Niết-bàn mà chư Phật đã thành tựu. Và người đã thể nhận trí tuệ vô sư (Chánh trí), sống bằng tâm thể sáng trong rõ ràng thường biết kia chính là đã ngộ ra và sống được bằng nhân vô sanh. Sống ngay đó là chân thật tu hành. Và tu hành như thế mới đạt đến cứu cánh Niết-bàn mà đức Phật đã dạy: **“Chứng ngộ Niết-bàn”**.

5.2. Tác dụng khi đã đạt đến đích (cái ngưỡng đầu tiên) mà đức Phật đã dạy.

Khi đạt ngộ và sống bằng trí tuệ vô sư, hành giả dễ dàng tự thấy ra rất rõ những tác dụng (diệu dụng) đúng với lời Phật đã dạy: **“Vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời”**.

Trí tuệ vô sư (chánh trí) hay tâm thể nơi mỗi chúng ta, trong nhà thiền còn gọi là “Đạo nhơn vô y”. Tức là hằng sống bằng vị đạo nhơn không nương tựa bất cứ gì, không làm bạn cùng muôn pháp. Không phải đợi có cảnh vật mới thấy nghe hiểu biết. Hằng ngày thấy, nghe, biết khắp mà rõ ràng là đang tự sáng biết, chứ không phải chú tâm biết về, biết theo mọi vật

bên ngoài. Người sống về bằng chánh trí là hằng tự sáng biết như thế thì nào có nương tựa gì? Sống được như vậy là đã đúng với giá trị, tác dụng đức Phật đã nêu rõ: **“Vị ấy sống không nương tựa”**.

Bản thể ấy xưa nay vốn không một vật, nhưng hay liễu biệt rõ ràng. Không còn khởi ý phân biệt, thấy biết như thị. Thấy biết vượt cả căn và cảnh, không còn thức để bị phan duyên, dính mắc. Dính mắc đã tự không thì chấp trước làm sao có được. Hành giả đã đạt ngộ và sống như thế, sẽ tự mình thấy ra rất rõ ràng diệu dụng đức Phật đã dạy ngay lúc sống chính mình: **“Vị ấy sống ..., không chấp trước một vật gì trên đời”**.

6. CON ĐƯỜNG ĐỘC NHẤT LÀ GÌ?

Văn Kinh đức Phật đã nhấn mạnh: *“Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm xứ (Thân, thọ, tâm, pháp). ... Quán thân, thọ, tâm, pháp, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời”*. Vậy con đường độc nhất mà đức Phật muốn chỉ cho chúng ta là gì?

6.1. Giả sử: “Đó là Bốn Niệm xứ (Thân, thọ, tâm, pháp). ... Quán thân, thọ, tâm, pháp, vị ấy an trú chánh niệm như vậy”.

Nếu pháp độc nhất là Tứ Niệm Xứ thì tại sao Phật cũng có nói về pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên...? Nếu con đường độc nhất là Tứ Niệm Xứ thì đối với Tứ Đế thế nào? Song song với pháp Tứ Niệm Xứ, đức Phật còn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các pháp khác như Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên... Vậy thì pháp độc nhất đó là gì? Ở đây cần nhận ra, lời Phật nói là chân lý, đức Phật nói ra luôn chính xác, lo-gic, nhưng còn có chỗ phải suy nghĩ là do chúng ta tu chưa thông, thấy chưa tới.

6.2. “Với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm”. Chính là đạt đến nhân tu.

Nghe Phật dạy như trên, chúng ta liền nhận thẳng đến chỗ đức Phật muốn chỉ: “Với hy vọng hướng đến” đó là: “Chánh trí, chánh niệm.”. Đạt đến Chánh trí, chánh niệm một cách rốt ráo như đã nêu ở trên là trở lại tánh thể vô sanh, tánh này bất sanh bất diệt, là nhân tu vô sanh. Bằng nhân vô sanh để sống và tu hành thì mới đạt đến quả vị vô sanh mà chư Phật đã thành đạo. Không thể từ nhân sanh diệt mà thành tựu được quả vị vô sanh. Đây là con đường duy nhất, không thể còn con đường nào khác, do đó đức Phật nói: “*Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn*”. Như đã phân tích ở trên, hành giả đã sống về bằng tánh thể vô sanh này thì tất cả diệu dụng đức Phật vừa nêu đều đầy đủ trong ấy.

Gọi là con đường độc nhất, bởi tất cả các pháp khác đều quy về trong con đường này. Chúng sanh có nhiều căn cơ, nhiều tâm bệnh do đó Phật nói nhiều pháp phù hợp để đối trị. Nhưng tất cả đều quy về một. Đó là dù cho hành giả tu hành pháp môn nào đi nữa thì cuối cùng cũng phải đạt đến nhân vô sanh là “*Chánh trí, chánh niệm*” một cách tuyệt đối, rất ráo như đã nói rõ ở trên, đó là thấy đạo. Ngay đó mà tu hành thì mới thành tựu viên mãn Phật đạo được.

Các pháp Phật dạy đều là phương tiện, là con đường để đi đến cứu cánh Niết-bàn. Mà mốc đầu tiên hành giả tu tập các pháp sẽ đạt đến là tánh thể vô sanh (là kết quả chánh trí, chánh niệm đức Phật đã dạy). Lúc này, sống thẳng đó là chân thật tu hành, công viên quả mãn sẽ viên thành Phật đạo. Như thế mới thỏa mãn với ý nghĩa là “con đường độc nhất” đối với tất cả các pháp tu mà đức Phật đã dạy.

Cho thấy, con đường độc nhất là nơi tất cả các con đường cùng gặp nhau, là duy nhất một thượng vị giác ngộ giải thoát, chứ không phải chỉ là một pháp nào đó. Cội nguồn giác ngộ là tâm tánh mỗi người. Khi đã nhận ra, từ đây cho hành giả thấy biết các pháp đúng như thật; là thấy biết giác ngộ. Diệu lực của tự tánh này cho hành giả vượt thoát tất cả, là giải thoát. Sống thẳng bằng tánh này là tu hành. Khi viên mãn, sẽ thành Phật. Đây đúng nghĩa là con đường độc nhất, bởi chỉ có một hướng duy nhất này đạt đến Phật đạo. Còn lại, đều là pháp phương tiện, còn trong tạo tác sanh diệt, chưa thể từ đó thẳng đến Phật đạo được. Cụ

thể ở đây, con đường độc nhất đối với Tứ Niệm Xứ là chỗ “*đạt đến chánh trí, chánh niệm*” của kết quả, đích đến từ pháp hành này như đã nói rõ ở trên, chứ không phải ở tại con đường. Nếu dừng lại tại con đường thì con đường Tứ Niệm Xứ sẽ không đồng với Tứ Đế... Trong khi các con đường ấy đều quan trọng như nhau cho nên không thể nói một pháp nào là một con đường độc nhất được.

Không phải mơ hồ mà nó có một định hướng rạch ròi cho nên gọi là một con đường. Nhưng chỉ là đạt đến tâm thể sáng ngời (chánh trí), vốn trong ngần, vô niệm (chánh niệm), chứ không bàn nói các tướng thứ lớp có tạo tác; do đó cũng không phải có tướng của một con đường. Pháp, nhưng không phải có tướng của phương pháp. Không pháp, cũng là một pháp. Cho nên có bài Kinh đức Phật nói: “*Có pháp môn nào*”, chứ không nói cụ thể là một pháp môn nào cả. Bởi pháp môn ấy vô tướng, không có danh xưng, nhưng hay dung hết tất cả các pháp môn mà đức Phật đã nói ra. Và đây mới đúng nghĩa là con đường độc nhất mà đức Phật muốn chỉ bày cho tất cả chúng ta. Bởi tất cả các con đường khác cuối cùng phải quy về trong này. Muốn thành Phật phải bắt đầu từ đây. Chỉ có độc nhất một con đường vô tướng này, không còn lối rẽ khác.

7. LƯU Ý.

Đây là chỉ về cách nhìn qua lời Phật dạy, chứ không phải triển khai phương pháp hành trì. Nếu ngộ

thẳng yếu diệu rốt ráo mà Phật chỉ dạy, đó là đốn ngộ bản tâm của Thiền Thượng Thừa. Ngộ thẳng tánh mình, không qua phương tiện. Nếu chưa thể như thế thì hành giả dụng công tu tập đúng nguyên lý Thiền Thượng Thừa mà Tổ Pháp Loa đã dạy: ***“Người tu tập thiền định không được chấp dụng công, dụng mà không có chỗ dụng, gọi là Thiền thượng thừa”***. Nghĩa là: Còn dụng công thì không chấp vào phương pháp hành trì (không được chấp dụng công). Đã kiến tánh thì sống ngay bản tánh là công phu (dụng mà không có chỗ dụng). Đó là tu thẳng đến chỗ vô tu, không kẹt phương tiện, tạo tác. Là tu mà không tu; không tu mà tu; mới đạt đến chân thật tu hành. Đây là con đường thẳng tắt để đạt đến đích chính mà đức Phật muốn chỉ bày cho tất cả chúng ta, là nhận ra và sống bằng tánh Phật để thành Phật.

8. KẾT LUẬN.

Ngay một lời Phật dạy mà hay thông được yếu chỉ rốt ráo là đã thông suốt được cốt lõi, trọng tâm, đại ý hay mục đích mà đức Phật muốn chỉ bày, hướng tiến cho tất cả chúng sanh. Cũng thế, thông được yếu diệu này thì tự mình suốt thông hết tất cả những gì đức Phật đã giảng thuyết.

Nếu ai học thông nghĩa lý Kinh Phật, quyết chí hạ thủ công phu. Thời tiết nhân duyên chín muồi, tâm này bùng vỡ, rạn ngời, sẽ thấy ra rất rõ việc học Phật và tu Phật vốn rất thực và gần nơi chính bản thân mỗi người, chứ không phải ức tưởng, lập định hay học

hiểu theo kiểu gom góp kiến thức vào, tư duy trừu tượng... Tuy Phật pháp rất thật, rất gần, bình thường và rất đối bình dị như thế. Nhưng nếu đã hay ra và sống được, mới thấy trong sự gần, thật, bình thường và bình dị ấy đã ẩn chứa sẵn sự phi thường, cao siêu và vi diệu vô cùng. Thức tình phân biệt không thể tưởng tượng, tư duy hay học hiểu đến được.

Thử tạm quên những khái niệm và kiến thức đã được định sẵn trong đầu. Khéo học và tu để thẩm thấu bài Kinh đức Phật đã dạy, đạt đến kết quả đầy đủ các tính chất và tác dụng mà đức Phật đã nói rất cụ thể rõ ràng và rớt ráo như thế. Mới hay ra, những gì đức Phật chỉ dạy thật sâu mầu, vi diệu, nhưng lại rất gần và có thật nơi mình.

Mục Lục

Thay Lời Tựa	01
Năm Pháp Tiến Đạo	02
1. Túc Duyên.	02
2. Chuyển Hóa Nghiệp Báo Xấu Ác	06
3. Tu Tập Thiện Pháp.....	11
4. Cầu Thiện Tri Thức, Minh Sư – Dụng Công Đúng Pháp	23
5. Thời Gian.	26
6. Kết Luận.	29
Tự Xét Công Phu Tu Tập	30
1. Tu Tập Là Sống Đúng Chân Lý, Rất Thật.	30
2. Về Thiền Viện (Chùa) Hay Đền (Sang) Thiền Viện?	33
3. Tâm Hướng Đến Đạo Lý Chân Thật Hay Thế Gian?.....	34
4. Đang Sống Trong Thế Đạo Chân Thật Hay Vì Việc Khác.....	35
5. Hằng Ngày Trong Sinh Hoạt, Kiểm Tra Lại Hai Điểm.	36
Tu Tập Chỉ Trong Cái Nhìn	39
1. Tu Là Biết Sửa Sai.	39
2. Công Phu Tu Tập Chỉ Trong Cái Nhìn.	40
3. Công Phu Tu Tập Chỉ Trong Tâm Thế Nhìn.	42
4. Đứng Ở Đâu, Nhằm Chỗ Nào Để Thấy?	44
5. Kết Luận.	45
Cuộc Sống Và Công Việc	46

1. Xác định cuộc sống và công việc.....	46
2. Nhìn nhận cuộc sống và công việc.	47
3. Khéo sắp xếp công việc để được sống.	48
4. Đề phòng những thói quen phương hại về sau.....	52
5. Sống có đạo, không thuận tình người.	54
6. Không kẹt trên tướng.....	59
7. Tất cả hiện thành.	61
8. Đức hạnh và trí tuệ.....	63
9. Kết luận.....	64

Lời Phật Chỉ Một – Cao Thấp Trong Cái Nhìn... 65

1. Lời Phật Dạy.	65
2. Ý Chỉ Đức Phật Muốn Chỉ Dạy Chúng Ta Điều Gì?	66
3. Có Tối Thiểu Bao Nhiêu Cách Nhìn Qua Lời Dạy Của Đức Phật?	67
4. Cao Thấp Trong Một Cách Nhìn.	71
5. Kiểm Nghiệm.	71
6. Con Đường Độc Nhất Là Gì?	74
7. Lưu Ý.	76
8. Kết Luận.	76